



Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành

21/6D Phan Huy Ích, P.14, Q.Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 08. 3589 4287 • Fax: 08. 3589 4288

www.dtwoodvn.com • www.goducthanh.com • www.winwintoys.com

*Thông tin chi tiết của Báo cáo thường niên này xin xem tại các trang web trên.
Bản quyền của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành.*

**& Hình Thành
Phát Triển**

NỘI DUNG

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	2
Tổng quan	
• Chiến lược kinh doanh	4
• Sứ mệnh và tầm nhìn	5
• Tổng hợp những nét chính	6
Giới thiệu về công ty	
• Thông tin chung	8
• Chính sách chất lượng	9
• Khách hàng và mạng lưới phân phối	10
• Sản phẩm của công ty	13
• Quá trình hình thành và phát triển công ty	17
• Các thành tích	18
Báo cáo của Hội đồng quản trị	24
Báo cáo của Ban Điều Hành	
• Tổng kết hoạt động năm 2015	28
• Định hướng hoạt động năm 2016	32
Báo cáo của Ban Kiểm Soát	35
Các thông tin về cổ đông	38
Báo cáo tài chính của công ty kiểm toán	42

CONTENTS

Chairman's statement	68
Board of Directors Report	74
Board of Executives Report	
• Review of business operation in 2015	80
• Business plan for 2016	83
Board of Supervisors Report	86
Shareholder structure and corporate governance	90
Audited financial statement	92



*Làm người thì trọng phẩm hạnh
Làm hàng thì trọng phẩm chất*



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị Cổ đông!

Kinh tế - xã hội năm 2015 diễn ra trong bối cảnh thị trường toàn cầu vẫn còn đó những bất ổn, kinh tế các nước phát triển không đồng đều và thiếu bền vững, Khu vực chung châu Âu vẫn không sao thoát khỏi tình trạng trì trệ đã khá lâu. Giá cả hàng hóa biến động, nhất là giá dầu giảm gây áp lực đến cân đối ngân sách và mọi mặt. Kinh tế vĩ mô trong nước cũng phải chèo chống rất nhiều và cũng bị tác động không nhỏ bởi tình hình chung toàn cầu.

Hoạt động trong bối cảnh không mấy thuận lợi đó, nhưng lại một năm nữa GDT tiếp tục tạo được những kết quả đầy ấn tượng: Tổng doanh thu toàn công ty năm 2015 đạt hơn 295 tỷ, tăng 2 % so với kế hoạch, vượt 11,1% so với cùng kỳ năm 2014. Đặc biệt, lợi nhuận trước thuế tăng 9% so với kế hoạch và vượt đến 19,9% so với cùng kỳ, đem về cho công ty 80,4 tỷ đồng. Và đương nhiên chỉ số EPS cũng tăng theo, từ 3.733 ở năm 2014 đã tăng gần 19% lên 4.432 ở năm 2015.

Điều đáng nói ở đây là tỉ lệ tăng của lợi nhuận hầu như năm nào cũng cao hơn tỉ lệ tăng của doanh thu, đây là một điểm son mà bất cứ Cổ đông nào hoặc nhà kinh tế học nào cũng phải thừa nhận là không hề đơn giản chút nào. Ấy vậy mà GDT lại làm được, không chỉ một năm mà liên tiếp nhiều năm, cho thấy điều này không phải là do may mắn. Vậy thì vì sao?

Gỗ Đức Thành trải qua 25 năm hình thành và phát triển, đến nay đã có những bước đi ổn định và bền vững không gì có thể phá vỡ. Những năm gần đây, GDT lại không ngừng cập nhật công nghệ mới giúp tăng năng suất sản xuất. Không chỉ phát triển chiều sâu, mà GDT còn phát triển cả về chiều rộng với mạng lưới phân phối hơn 1.000 cửa hàng, đại lý... trên khắp cả nước Việt Nam và có mặt tại hơn 50 nước trên toàn thế giới. Đội ngũ lãnh đạo của GDT luôn thích ứng với mọi hoàn cảnh và luôn tìm ra được những hướng đi phù hợp để tăng trưởng...

Kính thưa Quý vị,

Là cổ đông, nhà đầu tư, chắc hẳn Quý vị sẽ cảm thấy vui và tự hào khi quyết định đầu tư đúng đắn vào một đơn vị có thương hiệu, hoạt động hiệu quả như GDT. Khoản đầu tư này không những mang lại các lợi ích về kinh tế cho Quý vị, mà còn giúp GDT mang lại các lợi ích thiết thực cho cộng đồng. Thấu hiểu được điều này, Hội đồng quản trị và Ban điều hành cùng toàn thể CB-CNV Gỗ Đức Thành luôn nỗ lực hoàn thành kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông hàng năm đã thông qua, đồng thời tích cực phát triển các dòng sản phẩm gia đình thân thiện với môi trường.

Tự hào là một trong những doanh nghiệp sản xuất gỗ gia dụng hiện đang có mức vốn hóa lớn trên thị trường chứng khoán. Chúng tôi luôn mong muốn mang lại sự an tâm và hài lòng cao nhất cho các nhà đầu tư. Trong những năm gần đây tỷ lệ chi trả cổ tức không dưới 30%. Vì vậy mà giá cổ phiếu GDT đã không ngừng gia tăng và chạm mức 40.000 đồng/cổ phiếu, cao hơn đa số các doanh nghiệp cùng nhóm ngành.

Một số chuyên gia kinh tế nhận định: "Năm 2016 sẽ là một năm xuất sắc đối với nền kinh tế VN". Nhận định này dựa trên khảo sát về những nhân tố tích cực của nền kinh tế, đặc biệt là làn sóng đầu tư vào VN đón đầu các cơ hội do các FTA mang lại. Việt Nam sẽ có một năm 2016 rộn ràng trong việc thu hút FDI. Còn theo Báo cáo Nghiên cứu Toàn cầu của Ngân hàng Standard Chartered cho thấy triển vọng kinh tế VN ngày càng tốt hơn dù tăng trưởng toàn cầu có thể vẫn ở mức thấp 2,9% trong năm 2016.

Như vậy có thể nói bước sang năm 2016, nền kinh tế VN sẽ có triển vọng sáng sủa hơn, song cũng cần lưu ý những yếu tố khác tác động lên nền kinh tế. Cộng đồng kinh tế ASEAN sẽ hình thành vào cuối năm và các hiệp định thương mại tự do được triển khai sẽ tạo cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp. Điều này sẽ có cả cơ hội lẫn thách thức đan xen. Vì vậy, chúng ta cần phải tỉnh táo để nhanh chóng nắm bắt và ứng phó kịp thời với những biến cố có thể xảy ra.

Quý Cổ đông thân mến!

Nhận thức được những thách thức, khó khăn, hiểu rõ được trách nhiệm đối với các Cổ đông, không những về mặt bảo toàn vốn mà còn phải gia tăng giá trị cho tất cả Cổ đông, không phân biệt là lớn hay nhỏ. Hội đồng quản trị Công ty Gỗ Đức Thành tiếp tục định hướng trong năm 2016 và các năm sau đó, vẫn theo tinh thần cốt lõi của 25 năm nay là phát triển, tập trung, ổn định và bền vững.

Cuối cùng, tôi thay mặt HĐQT Công ty Gỗ Đức Thành xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến Quý vị Cổ đông, Quý khách hàng, Quý đối tác và các bạn bè gần xa đã tin nhiệm, ủng hộ chúng tôi trong nhiều năm qua. Đặc biệt, tôi muốn gửi lời cảm ơn chân thành đến tập thể CB-CNV đã gắn bó, đoàn kết và đồng hành cùng với chúng tôi trên mọi chặng đường phát triển của Gỗ Đức Thành.

Kính chúc Quý vị và gia đình luôn dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành công trong cuộc sống.

TM. Hội đồng Quản trị

LÊ HẢI LIỀU

CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

Chiến lược kinh doanh của GDT đã được xây dựng xuyên suốt trong quá trình hoạt động từ ngày đầu thành lập đến nay là luôn tập trung tạo dựng vị thế của mình trên thương trường như một nhà sản xuất Số 1 về đồ gia dụng và đồ chơi trẻ em được làm từ các loại gỗ cây trồng mà chủ yếu là gỗ cao su.

Gỗ Đức Thành biết vận dụng và phát huy tối đa những tiềm lực sẵn có của mình, cam kết sẽ luôn mang lại sự an tâm cho khách hàng và nhà đầu tư thông qua các chiến lược kinh doanh cốt lõi:

1. Xây dựng thương hiệu số 1 tại Việt Nam về đồ dùng nhà bếp, đồ gia dụng và đồ chơi trẻ em từ các loại gỗ cây trồng.
2. Luôn đáp ứng được các đơn hàng gấp và các đơn hàng lớn, do tận dụng thế mạnh về nguyên liệu và quản lý sản xuất tốt.
3. Chấp nhận các đơn hàng nhỏ nhưng có giá bán cao, nhằm khai thác tối đa tiềm lực của Công ty.
4. Cạnh tranh bằng chất lượng và thời gian giao hàng, không cạnh tranh bằng giá cả thấp để bảo toàn tỉ suất lợi nhuận.
5. Hợp tác, liên kết với các đối tác chiến lược để đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định với giá cả hợp lý.
6. Sử dụng hợp lý nhất các nguồn lực về quan hệ, về nhân sự, tài chính, đất đai... cho mục tiêu phát triển dài hạn.

Ngoài ra, để đạt được lợi nhuận tối đa và phòng tránh những rủi ro trong kinh doanh, GDT đã thực hiện tốt chiến lược đa dạng hóa thị trường bao gồm cả nội địa, xuất khẩu và đặc biệt là không từ chối các đơn hàng nhỏ lẻ nhưng có tỉ suất lợi nhuận cao.

SỨ MỆNH VÀ TÂM NHÌN CỦA CHÚNG TÔI

Gỗ Đức Thành luôn cung cấp sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao; nâng cao hình ảnh và giữ vững vị trí là nhà sản xuất đồ gia dụng, nhà bếp và đồ chơi bằng gỗ hàng đầu tại Việt Nam.

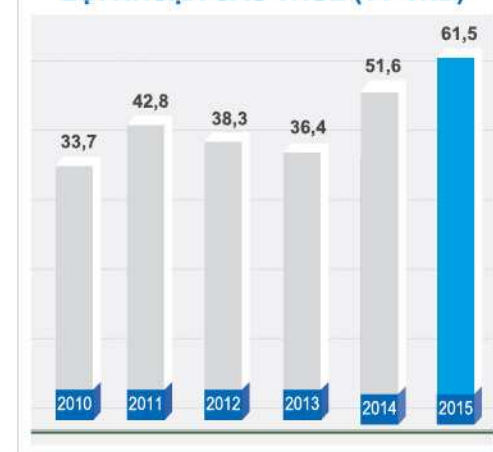
1. Lấy chất lượng, thời gian giao hàng đúng hẹn làm cam kết với khách hàng.
2. Lấy ý thức, quan tâm bảo vệ môi trường và cộng đồng làm khởi sự cho mọi hoạt động.
3. Lấy trách nhiệm, quan tâm lợi ích, đãi ngộ và phát triển Cán bộ - Công nhân viên làm phương châm.
4. Lấy sự đồng hành, giữ cam kết cùng đối tác làm mục tiêu lâu dài.
5. Lấy sự khác biệt vượt trội, tri thức sáng tạo làm nền tảng cho sự phát triển.
6. Lấy lợi ích dài hạn để thỏa mãn cho các Cổ đông.



DOANH THU (TỶ VNĐ)



LỢI NHUẬN SAU THUẾ (TỶ VNĐ)



ROE (Lợi nhuận trên vốn CSH)



ROA (Lợi nhuận trên tổng tài sản)



Chỉ tiêu	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Doanh thu (tỷ VNĐ)	175,0	219,7	231,3	237,4	266,3	295,7
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	33,7	42,8	38,3	36,4	51,6	61,5
ROE (LN trên vốn CSH)	25,96%	28,80%	24,09%	21,68%	27,29%	29,37%
ROA (LN trên tổng tài sản)	17,32%	21,44%	16,53%	13,96%	18,01%	20,60%

Trong năm qua, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn và thử thách, GDT vẫn cố gắng duy trì kết quả kinh doanh hiệu quả:

- Tổng doanh thu tăng 11,1% so với năm 2014 vượt 2% so với kế hoạch năm.
- Lợi nhuận sau thuế vượt 6,9% so với kế hoạch năm.

- Giá trị cốt lõi của Gổ Đức Thành : ổn định, hiệu quả & bền vững.

ĐVT: 1.000 đồng

Kết quả kinh doanh	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Doanh thu thuần	175.017.411	219.685.394	231.283.510	237.366.929	266.316.502	295.766.288
Lãi gộp	64.983.292	73.327.592	69.262.391	80.574.288	94.069.906	112.149.623
LN thuần từ SXKD	38.712.660	47.215.896	45.929.782	50.780.565	66.604.275	81.053.049
Tổng lợi nhuận trước thuế	41.463.249	49.289.779	47.076.876	51.708.395	67.099.418	80.457.055
Thuế phải đóng	7.804.185	6.528.330	8.774.013	15.344.628	15.468.654	18.892.302
Lợi nhuận sau thuế	33.659.064	42.761.449	38.302.863	36.363.767	51.630.764	61.564.753
Tỷ lệ lãi gộp/DT thuần	37,1%	33,4%	29,9%	33,9%	35,3%	37,9%

Bảng cân đối tài sản	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Tổng tài sản	192.721.282	206.247.795	257.095.672	263.766.525	309.707.879	288.147.348
Vốn điều lệ	103.723.650	103.723.650	103.723.650	103.723.650	103.723.650	129.654.550
Tổng số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành	10.372.365	10.372.365	10.372.365	10.372.365	12.446.837	12.502.251
Vốn chủ sở hữu	139.613.444	157.354.019	160.709.501	174.766.634	203.601.301	215.704.957

Các chỉ tiêu khác	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Cơ cấu tài sản						
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	51,67%	57,94%	66,67%	71,12%	74,47%	73,79%
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	48,33%	42,06%	33,33%	28,88%	25,53%	26,21%
Cơ cấu nguồn vốn						
Nợ phải trả / Tổng tài sản	27,56%	23,71%	37,49%	33,74%	34,26%	25,14%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản	72,44%	76,29%	62,51%	66,26%	65,74%	74,86%

Tỷ suất lợi nhuận	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Tỷ suất LN sau thuế / Tổng tài sản BQ	17,32%	21,44%	16,53%	13,96%	18,01%	20,60%
Tỷ suất LN sau thuế/ Vốn CSH BQ	25,96%	28,80%	24,09%	21,68%	27,29%	29,37%
Tỷ suất LN sau thuế/ Vốn điều lệ	32,45%	41,23%	36,93%	35,06%	49,78%	47,48%
Tỷ suất LN sau thuế/ Doanh thu thuần	19,23%	19,46%	16,56%	15,32%	19,39%	20,82%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	3.245	4.123	3.693	3.506	3.733	4.432

THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch : Công ty Cổ Phần Chế biến Gỗ Đức Thành
Tên viết tắt : Công ty CP Gỗ Đức Thành
Mã số DN : 0301449014
Ngày thành lập : 19/5/1991

Thông tin cổ phiếu

Sàn niêm yết : HOSE
Mã chứng khoán : GDT
Ngày bắt đầu niêm yết : 17/11/2009
Vốn điều lệ : 129.654.550.000 đồng
Mệnh giá 1 cổ phiếu : 10.000 đồng
Số lượng CP niêm yết : 12.965.455 cổ phiếu



Trụ sở chính và nhà máy ở TP HCM

Địa chỉ : 21/6D Phan Huy Ích, P. 14, Q. Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.
Email liên hệ : info@goducthanh.com
Điện thoại : (08) 3589 4287 • Fax: (08) 3589 4288
Website : www.goducthanh.com
Diện tích : 7.600 m²
Công suất : 5.000 m³ gỗ thành phẩm/năm



Nhà máy ở Bình Dương

Địa chỉ : Khu phố Tân Hội, Phường Tân Hiệp, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
Điện thoại : (0650) 363 1491 • Fax: (0650) 363 1490
Diện tích : 38.000 m²
Công suất : 20.000 m³ gỗ thành phẩm/năm

Mạng lưới cửa hàng chuyên biệt:



Winwinshop Nguyễn Văn Trỗi

Địa chỉ : 172 Nguyễn Văn Trỗi, P.8, Q.Phú Nhuận
Điện thoại : (08) 3844 0721 • Fax: (08) 3844 0722
Email : wwsnvt@winwinshop.com.vn
Website : www.winwinshop.com.vn



Winwinshop Phú Mỹ Hưng

Địa chỉ : 021 Nguyễn Văn Linh, P.Tân Phong, Q.7
Điện thoại : (08) 5412 2644 • Fax: (08) 5412 3790
Email : wwspmh@winwinshop.com.vn
Website : www.winwinshop.com.vn

Và hơn 1.000 cửa hàng, đại lý phân phối trên toàn quốc

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

Phương châm sản xuất ở Gỗ Đức Thành:

"Nâng cao quản lý chính là nâng cao chất lượng"

Giữ uy tín chính là giữ khách hàng".

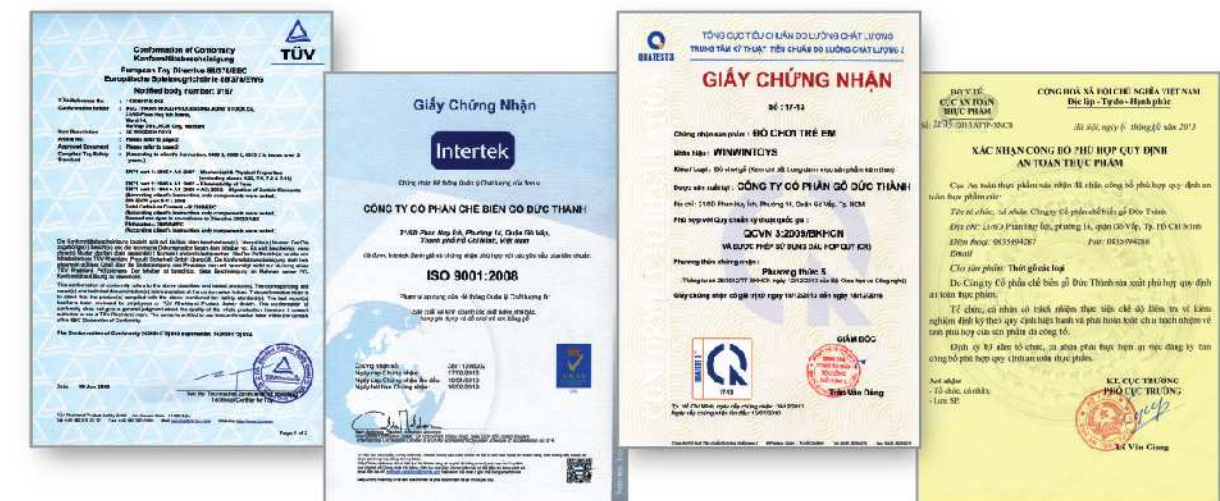
Công ty luôn giữ đúng cam kết với khách hàng về **chất lượng** và **thời gian giao hàng**, áp dụng chính sách giá cả linh hoạt, chia sẻ khó khăn với từng đối tác, khách hàng qua từng thời kỳ, điều này đã giúp Công ty chúng tôi phát triển bền vững đến ngày hôm nay.

Từ nhiều năm nay, Công ty luôn duy trì hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, GDT ngày càng khẳng định vị thế của mình trong ngành chế biến gỗ tại Việt Nam cũng như trên thị trường quốc tế, luôn đảm bảo tạo ra những sản phẩm, dịch vụ tốt nhất cho khách hàng trong và ngoài nước.

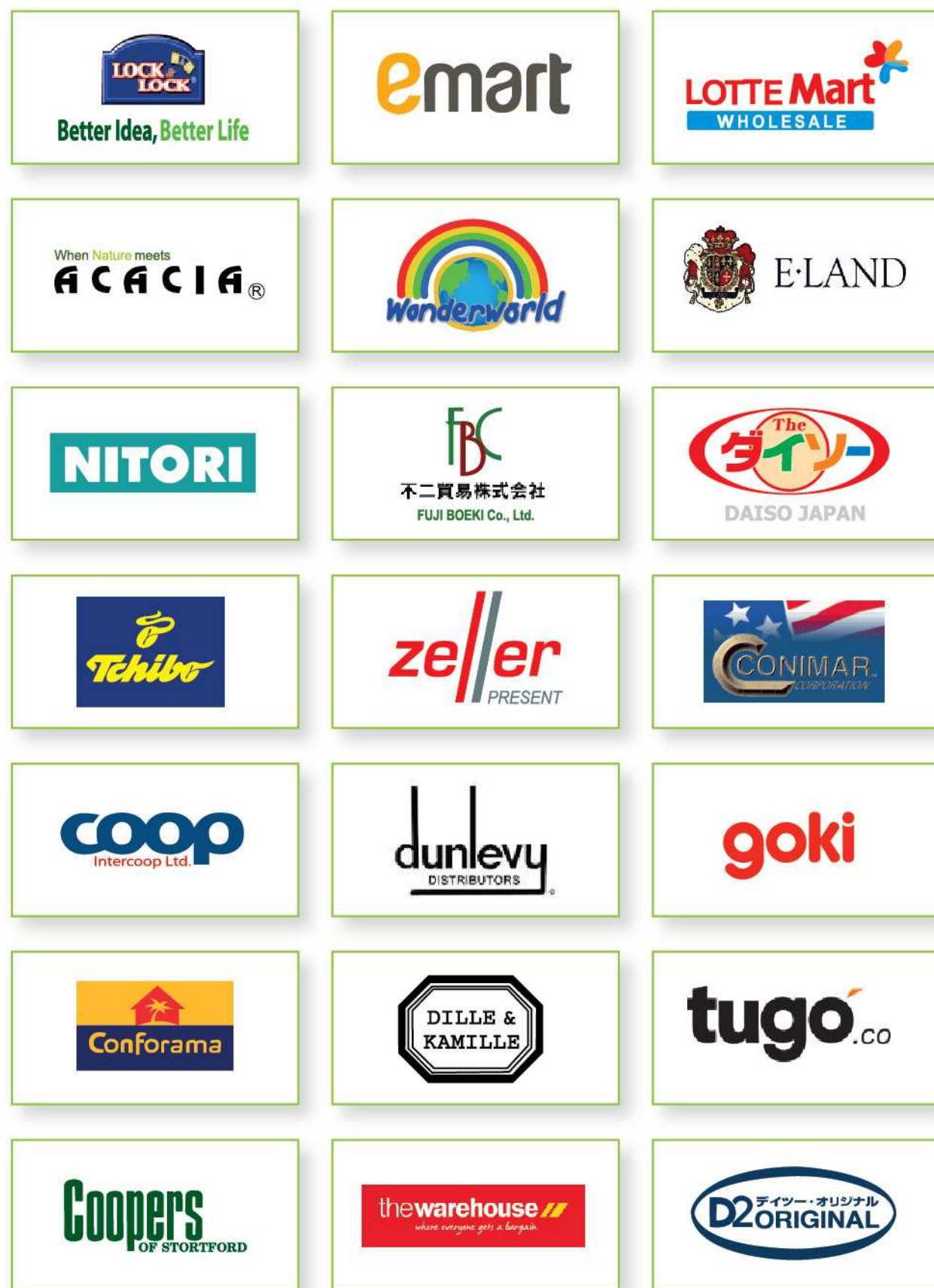
• Dòng sản phẩm gia dụng và đồ dùng nhà bếp đã nhiều năm liền đạt Chứng nhận an toàn vì sức khỏe cộng đồng, Top 100 sản phẩm dịch vụ tốt nhất cho gia đình và trẻ em, Doanh nghiệp xanh...

• Dòng sản phẩm đồ chơi Winwintoy đạt chứng nhận CR (an toàn theo tiêu chuẩn Việt Nam) và chứng nhận an toàn theo tiêu chuẩn châu Âu CE.

Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình sản xuất, chất lượng nguyên phụ liệu, mẫu mã đa dạng, đáp ứng các tiêu chí về năng lực cạnh tranh quốc tế. Trong năm 2015, GDT vinh dự đạt nhiều danh hiệu như: Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín, Sao vàng Đất Việt, Doanh nghiệp TP.HCM tiêu biểu, Doanh nghiệp chất lượng. Sản phẩm của GDT nhiều năm liền được Người tiêu dùng bình chọn là hàng Việt Nam chất lượng cao... Đây cũng là minh chứng cho việc GDT luôn mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm an toàn, sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường.



CÁC KHÁCH HÀNG NHẬP KHẨU CHÍNH



MẠNG LƯỚI PHÂN PHỐI SẢN PHẨM TẠI THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Cửa hàng đồ chơi: 608

Cửa hàng gia dụng: 585

- Bắc Giang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lào Cai, Bắc Ninh: **4 CH**
- Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Tuyên Quang, Phú Thọ, Điện Biên: **5 CH**
- Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương: **10 CH**
- Hà Nội, Hà Nam: **72 CH**
- Ninh Bình, Nam Định, Hà Tĩnh: **3 CH**
- Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình: **11 CH**
- Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng: **33 CH**
- Quảng Trị, Lâm Đồng, Đắk Lắk: **20 CH**
- Gia Lai, Phú Yên, Khánh Hòa: **13 CH**
- Quảng Ngãi, Bình Định, B.Thuận, N.Thuận: **8 CH**
- Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương: **63 CH**
- Bình Phước, Tây Ninh: **12 CH**
- Kontum, Đắk Nông, Ninh Thuận: **8 CH**
- TP. HCM: **310 CH**
- Trà Vinh, Sóc Trăng, Cần Thơ: **4 CH**
- Kiên Giang, Bạc Liêu, Đồng Tháp: **11 CH**
- Bến Tre, Long An, Vĩnh Long: **11 CH**
- Hậu Giang, Tiền Giang, An Giang: **10 CH**



- Bình Định, Khánh Hòa, Lâm Đồng: **22 CH**
- Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum: **10 CH**
- Phú Yên, Quảng Nam, Quảng Ngãi: **7 CH**
- Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Phước: **9 CH**
- Vũng Tàu, Đồng Nai, Bình Dương: **25 CH**
- TP. HCM: **321 CH**
- Tây Ninh, Long An, Vĩnh Long: **4 CH**
- Tiền Giang, Hậu Giang, An Giang: **12 CH**
- Cần Thơ, Bến Tre, Sóc Trăng: **10 CH**
- Đồng Tháp, Bạc Liêu: **9 CH**
- Kiên Giang, Cà Mau: **6 CH**

Tổng cộng: 1.193 CH



**Thớt gỗ sạch Đức Thành
bảo vệ bữa ăn gia đình bạn**

25 Năm
VỮNG BƯỚC THÀNH CÔNG

- Đạt chứng nhận “Doanh nghiệp xanh”.
- Đạt chứng nhận “Sản phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng”.
- Đạt chứng nhận “Top 100 sản phẩm tốt nhất cho gia đình và trẻ em”.

Đồ chơi bằng gỗ



25 Năm
VỮNG BƯỚC THÀNH CÔNG

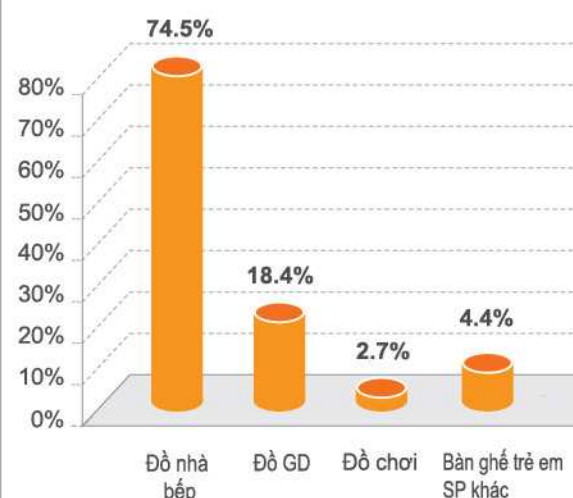
- * Vừa chơi, vừa học
- * Kích thích trí tưởng tượng
- * Thông minh, sáng tạo

THIÊN ĐƯỜNG CỦA TRẺ THƠ

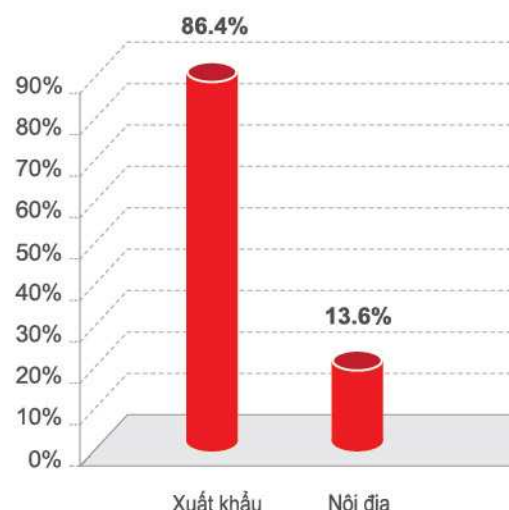


CƠ CẤU DOANH THU NĂM 2015

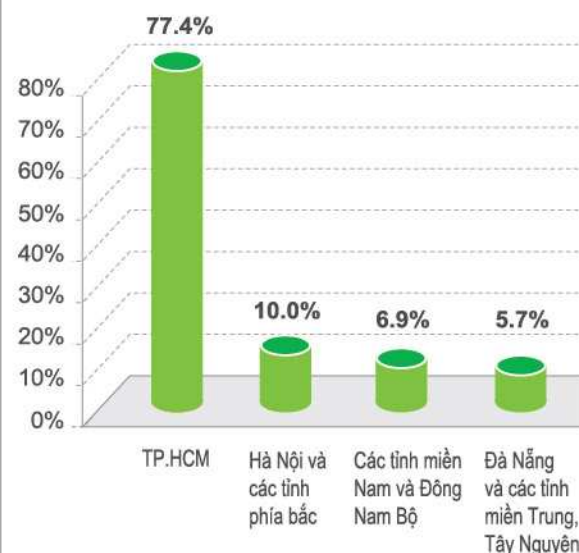
• Theo nhóm hàng



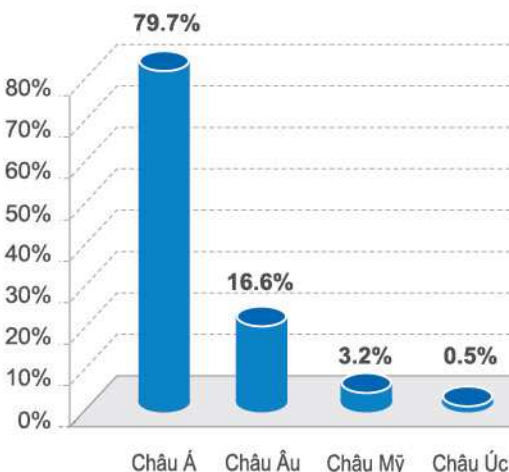
• Theo thị trường



• Theo thị trường nội địa



• Theo thị trường xuất khẩu



Việc cung ứng cho khách hàng **đa dạng ở khắp các châu lục, ở nội địa lẫn xuất khẩu...** là bí quyết để phòng ngừa mọi rủi ro trong kinh doanh

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TY

- 2015** Tăng vốn điều lệ từ 124.468.370.000 đồng lên 129.654.550.000 đồng (thực hiện phát hành cổ phiếu ESOP cho CB-CNV).
Tăng vốn điều lệ từ 103.723.650.000 đồng lên 124.468.370.000 đồng (chia 20% cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu)
- 2014** Hoàn thành việc xây dựng nhà xưởng mở rộng ở Tân Uyên, Bình Dương, nâng tổng diện tích nhà xưởng lên 38.000 m².
- 2013** Tháng 9/2013, Quý Elite (Phần Lan) chính thức đầu tư vào GDT, hiện đang nắm giữ 1.035.000 CP và trở thành cổ đông lớn của GDT.
- 2012** Ngày 21/11/2012, Quý PENM, quản lý bởi Bankinvest, sau 5 năm đầu tư vào GDT đến nay đã thoái vốn hết theo kế hoạch.
Tháng 12/2012, mua thêm gần 8.000 m² đất để mở rộng nhà xưởng ở Tân Uyên, Bình Dương.
- 2011** Ngày 19/5/2011, Công ty Gỗ Đức Thành tổ chức Lễ kỷ niệm 20 năm ngày thành lập.
- 2010** Ra đời chuỗi cửa hàng Winwinshop để trực tiếp giới thiệu các sản phẩm của GDT đến tay người tiêu dùng.
- 2009** Quý Mekong thoái vốn, Tập đoàn Cao su Việt Nam vào đầu tư. Công ty tăng vốn điều lệ thành 103,723 tỷ đồng.
Ngày 17/11/2009, Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu GDT của mình trên sàn chứng khoán HOSE.
- 2008** Công ty hoàn thành việc tăng vốn điều lệ lên thành 74,100 tỷ đồng.
- 2007** Quý PENM, quản lý bởi Bankinvest, chính thức đầu tư vào GDT 2 (hai) triệu đô la Mỹ.
- 2006** Quý Mekong tiếp tục đầu tư vào GDT 400.000 đô la Mỹ. Công ty tăng vốn điều lệ lên thành 64,116 tỷ đồng.
Tháng 10/2006 Công ty di dời nhà máy thứ nhất ở Lê Đức Thọ, P.16, Q.Gò Vấp để sáp nhập với nhà máy tại Tân Uyên, Bình Dương theo chủ trương của nhà nước.
- 2005** Quý Doanh nghiệp Mekong đầu tư 1,35 triệu USD vào GDT, nâng tổng số vốn điều lệ lên thành 49,536 tỷ đồng.
Cùng năm này nhà máy thứ ba tại Tân Uyên, Bình Dương được khánh thành với tổng diện tích 30.000m² và kinh phí đầu tư xấp xỉ 2 (hai) triệu đô la Mỹ.
- 2004** Công ty tăng vốn điều lệ lên thành 40,050 tỷ đồng.
- 2003** Công ty khánh thành nhà máy thứ hai tại Phan Huy Ích, P.14, Q.Gò Vấp.
- 2002** Công ty tiến hành hai đợt tăng vốn điều lệ lên 15,050 tỷ đồng vào ngày 01/07/2002 và 25,050 tỷ đồng vào ngày 09/12/2002
- 2000** Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Gỗ Đức Thành (GDT) với vốn điều lệ là 5,05 tỷ đồng và 20 cổ đông sáng lập.
- 1993** Phát triển thành Công ty TNHH Chế biến Gỗ Đức Thành với số vốn đăng ký 2,025 tỷ đồng và có hơn 130 công nhân.
- 1991** Ngày 19/5 Cơ sở chế biến Gỗ Tam Hiệp (tiền thân của GDT) ra đời với số vốn ban đầu là 105 triệu đồng và 60 công nhân.

THÀNH TÍCH CỦA CÔNG TY

- 2015**
 - Sản phẩm Đức Thành tiếp tục đạt danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao 2015” do người tiêu dùng bình chọn.
 - Ban chấp hành LĐLĐ Q.GV trao tặng giấy khen cho CĐCS gỗ Đức Thành đã có thành tích xuất sắc trong tổ chức triển khai thực hiện phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” giai đoạn 2010 - 2014.
 - UBND Q.GV tặng giấy khen Cty Đức Thành “đã có thành tích xuất sắc trong sản xuất - kinh doanh và chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước năm 2014”
 - Bộ lao động và thương binh xã hội trao tặng:
 - Sản phẩm nhà bếp, gia dụng và đồ chơi trẻ em “Top 100 sản phẩm, dịch vụ tốt nhất cho gia đình và trẻ em lần 3 - 2015”
 - Doanh nghiệp tiêu biểu “Top 100 sản phẩm, dịch vụ tốt nhất cho gia đình và trẻ em lần 3 - 2015”
 - Hội DN trẻ VN trao tặng giải thưởng “Sao vàng đất Việt năm 2015” vì đã đáp ứng các tiêu chí về năng lực cạnh tranh quốc tế cùng danh hiệu Top 200 thương hiệu Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế.
 - UBND TP.HCM trao tặng danh hiệu “Doanh nghiệp TP.HCM tiêu biểu 2015”
 - Tổ chức chứng nhận đánh giá quốc tế độc lập (Tổ chức Global) trao chứng nhận “Doanh nghiệp chất lượng 2015”.
 - Bộ công thương trao tặng danh hiệu “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2014”.
- 2014**
 - Bộ công thương trao tặng danh hiệu “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín 2013”
 - Sở công thương tỉnh Bình Dương trao tặng danh hiệu “Đã có thành tích trong hoạt động sản xuất kinh doanh góp phần vào sự phát triển của tỉnh Bình Dương năm 2013”.
- 2013**
 - Bộ công thương trao tặng danh hiệu “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín 2012”.
 - Hội DN trẻ VN trao tặng giải thưởng “Sao vàng đất Việt năm 2013” vì đã đáp ứng các tiêu chí về năng lực cạnh tranh quốc tế cùng danh hiệu Top 100 thương hiệu Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế.
 - Báo Lao động và Xã hội (Bộ Lao động Thương binh & Xã hội) phối hợp cùng Tạp chí Gia đình & Trẻ em trao tặng giải thưởng “Top 100 Sản phẩm tốt nhất cho gia đình và trẻ em năm 2013”.
- 2012**
 - UBND TP.HCM và Sở Tài Nguyên Môi trường trao tặng danh hiệu “Doanh nghiệp xanh 2012”.
- 2011**
 - Bộ Công Thương trao tặng danh hiệu “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín”.
 - Hội DN trẻ VN trao tặng giải thưởng “Sao vàng đất Việt năm 2011”.
 - UBND TP HCM khen tặng danh hiệu: “Doanh nghiệp Sài Gòn tiêu biểu năm 2011”.
- 2010**
 - Đạt Chứng nhận Thương hiệu uy tín, chất lượng - Trusted Brand 2010.
 - Đạt Chứng nhận “Thương hiệu chứng khoán uy tín năm 2010”.
- 2009**
 - Bộ khoa học và Công nghệ TP.HCM tặng danh hiệu “Top 100 sản phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng năm 2009”.
- 2008**
 - Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam trao tặng bằng khen “Đã có nhiều thành tích trong công tác từ năm 2002 đến năm 2006, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc”.
- 2007**
 - UBND TP.HCM tặng danh hiệu “Doanh nghiệp tiêu biểu năm 2007”.
 - Bộ Thương Mại tặng danh hiệu “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2006”.
- 2006**
 - Bộ Thương mại tặng bằng khen “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín ba năm liền 2004, 2005, 2006”.



THÀNH TÍCH CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

- 2015**
 - Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư vinh danh là một trong 50 nhà lãnh đạo trẻ xuất sắc nhất 2014 và Giải thưởng nhà lãnh đạo trẻ sáng tạo nhất năm 2014 do Tạp chí Nhịp cầu đầu tư tổ chức.
 - Ban chấp hành LĐLĐ TPHCM trao tặng Bằng khen cho Ông Lê Hồng Thắng “Đã chấp hành tốt pháp luật lao động và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân, lao động thành phố 2014”.
- 2014**
 - Trung ương Hội Doanh Nhân Trẻ Việt Nam bình chọn là một trong 100 Doanh Nhân Trẻ Việt Nam Tiêu Biểu 2014 (Giải thưởng Sao Đỏ 2014).
 - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Công ty Ernst & Young Việt Nam trao tặng kỷ niệm chương “Ernst & Young - Bản lĩnh doanh nhân lập nghiệp 2014”.
 - Ủy ban nhân dân TP.HCM trao tặng Bằng khen “Doanh nhân TP.HCM tiêu biểu 2014”.
 - Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư vinh danh là một trong 50 nhà lãnh đạo DNVN xuất sắc nhất năm 2013.

GDT



◦ CÁC THÀNH VIÊN VÀ BÁO CÁO

- Thành viên Hội Đồng Quản Trị - Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị
- Thành viên Ban Điều Hành - Báo cáo của Ban Điều Hành
- Thành viên Ban Kiểm Soát - Báo cáo của Ban Kiểm Soát



Ông Lê Hồng Thắng

Phó chủ tịch Hội đồng quản trị,
kiêm Tổng giám đốc



Bà Lê Hải Liễu

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ông Lê Hồng Thành

Ủy viên Hội Đồng Quản Trị,
kiêm Phó Tổng giám đốc



Ông Nguyễn Công Hiếu

Ủy viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên độc lập



Ông Trần Xuân Nam

Ủy viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên độc lập

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2015 - 2019 có tất cả 5 thành viên, trong đó có 03 thành viên tham gia điều hành tại công ty và 02 thành viên độc lập. Các thành viên HĐQT luôn đóng góp ý kiến, giúp công ty nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, tập trung vào các định hướng phát triển bền vững của công ty và mang lại lợi ích tốt nhất cho các Cổ đông.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đã 25 năm trôi qua kể từ ngày đầu mới thành lập, một chặng đường đủ dài để khẳng định sự thành công của một thương hiệu, một công ty, một tập thể... Công ty gỗ Đức Thành (GDT) luôn vững vàng trong mọi lĩnh vực, điều kiện, trong mọi tình thế, luôn mang lại cho khách hàng những sản phẩm chất lượng và dịch vụ chuyên nghiệp, luôn mang lại cho các cổ đông niềm vui của sự tăng trưởng, của cổ tức cao và bền vững...

Kết thúc năm 2015, một năm nhiều biến động trong điều kiện kinh tế toàn cầu vẫn khó khăn, sức mua chưa phục hồi, tình hình thị trường tài chính chưa khởi sắc, các Doanh nghiệp nói chung và GDT nói riêng ít nhiều cũng bị ảnh hưởng, nhưng với sự nỗ lực thần kỳ vốn có, GDT lại tiếp tục hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đã giao, cả về doanh thu lẫn lợi nhuận, vị thế và giá trị của cổ phiếu GDT cứ từ từ tăng cao, làm hài lòng tất cả các Cổ đông dù lớn hay nhỏ...

Tôi thay mặt HĐQT, lại một lần nữa vui mừng thông báo với Quý Cổ đông kết quả hoạt động của năm 2015, một năm thành công tương đối toàn diện của GDT.

TỔNG KẾT NĂM 2015

1. Thực hiện các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ thường niên giao trong năm 2015.

- Thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2015.
 - Doanh thu toàn công ty đạt 295,76 tỷ đồng, tăng 11,1% so với cùng kỳ, vượt 2% so với kế hoạch (289 tỷ).
 - Lợi nhuận trước thuế đạt 80,46 tỷ đồng, tăng 19,9% so với cùng kỳ, vượt 9% so với kế hoạch (73,8 tỷ).
 - Lợi nhuận sau thuế đạt 61,56 tỷ đồng, tăng 19,2% so với cùng kỳ, vượt 6,9% so với kế hoạch (57,5 tỷ).
- Chi trả 20% cổ tức bằng cổ phiếu: Đã nâng vốn điều lệ từ 103.723.650.000 đồng lên 124.468.370.000 đồng.
- Phát hành cổ phiếu ESOP cho CB-CNV (4,6%): đã hoàn thành thủ tục tăng vốn, nhận giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nâng vốn điều lệ từ 124.468.370.000 đồng lên 129.654.550.000 đồng.
- Chi trả cổ tức trong năm: Công ty đã tạm ứng cổ tức theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 25/4/2015 là 30% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông, cụ thể:
 - Đợt 1 năm 2015 : chia ngày 27/08/2015 là 15%, bằng tiền mặt.
 - Đợt 2 năm 2015 : chia ngày 30/12/2015 là 15%, bằng tiền mặt.

2. Thực hiện nghị quyết xin ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản.

- Sửa đổi Điều lệ Công ty: Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Đức Thành đã hoàn tất việc sửa đổi Điều lệ và đã nộp Điều lệ sửa đổi cho các cơ quan quản lý Ủy ban chứng khoán nhà nước; Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán chi nhánh Tp.HCM theo quy định.
- Chuyển nhượng lô đất tại khu công nghiệp Mỹ Phước 2, tỉnh Bình Dương: Cuối năm 2015 Công ty đã giao dịch thành công và đã nhận tiền cọc để ký Hợp đồng chuyển nhượng lô đất với giá xấp xỉ 68 tỷ đồng và đang làm thủ tục chuyển nhượng, dự kiến sẽ hoàn tất trong năm 2016 do phải tiến hành nhiều thủ tục khá phức tạp và tốn thời gian.

3. Hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Cơ cấu HĐQT bao gồm: 1 Chủ tịch, 1 Phó Chủ tịch và 3 Ủy viên, trong đó có 2 thành viên HĐQT độc lập, có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo đúng quy định của pháp luật. HĐQT hoạt động nhiệm kỳ 5 năm (2015-2019), thực hiện chức năng giám sát, tư vấn, giúp đỡ và quản trị Công ty hoàn thành mọi nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ giao phó.
- Trong năm 2015, HĐQT đã tiến hành tổ chức 4 phiên họp định kỳ hàng quý và 6 phiên họp bất thường để cùng hỗ trợ BĐH, chỉ đạo kịp thời và thảo luận các phương án thực hiện, các chính sách... nhằm tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức. Trong các phiên họp, tất cả các thành viên tham dự đầy đủ, tùy vào tính chất và nội dung từng cuộc họp và ở một số phiên họp có mời thêm các thành viên Ban Kiểm soát (BKS) tham dự.

4. Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015.

- Sau khi trao đổi, thảo luận và lấy ý kiến HĐQT đã quyết định chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 cho GDT. Trong quá trình kiểm toán, GDT đã cung cấp chứng từ đầy đủ, hợp lý về các chuẩn mực về kế toán, Công ty Deloitte Việt Nam làm việc chặt chẽ và có trách nhiệm.

5. Thực hiện chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

- Trong năm qua 2015, Công ty đã chi trả thù lao cho 05 thành viên HĐQT và 03 thành viên BKS:
 - Thù lao: 0,4% tổng doanh thu Kế hoạch năm 2015 là 1.170.000.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.
 - Do trong năm 2014 có nhiều đóng góp tích cực giúp BĐH đạt được kết quả kinh doanh xuất sắc, ĐHĐCĐ đã thống nhất thường thêm cho HĐQT & BKS là 5% trên phần lợi nhuận trước thuế tăng thêm năm 2014 so với năm 2013, tương ứng 770.000.000 đồng.

6. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành và các Cán bộ quản lý khác.

- Ban điều hành Công ty đã triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng tinh thần Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT. Do Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc cũng là thành viên HĐQT nên việc triển khai các Nghị quyết này luôn diễn ra nhanh chóng và suôn sẻ.
- Qua quá trình giám sát, HĐQT đánh giá BĐH đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, chuyên nghiệp, đáp ứng được yêu cầu thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể:
 - Đã triển khai nghiêm túc, có hiệu quả các Quyết định của HĐQT;
 - Năng động, sáng tạo trong công tác điều hành. Cung cấp các số liệu tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh đầy đủ, chi tiết, giúp HĐQT có cái nhìn toàn diện và dễ dàng đưa ra các định hướng chiến lược trong các cuộc họp.
 - Kịp thời thông tin, báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của HĐQT.

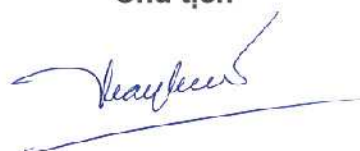
ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2016

Năm 2016, dự báo nền kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục đà phục hồi và bắt đầu chu kỳ tăng trưởng mới, mặc dù vậy GDT có thể tiếp tục đối mặt với những khó khăn, thách thức như: cạnh tranh gay gắt tại Nội địa, thị trường châu Âu tiếp tục đối mặt khó khăn khi chỉ số giá tiêu dùng giảm, tín hiệu phục hồi của châu Âu chưa đủ mạnh... Chính vì vậy, HĐQT sẽ tiếp tục chỉ đạo với tinh thần thận trọng, tập trung định hướng các nhiệm vụ trọng yếu trong năm 2016 như sau:

1. Đề ra kế hoạch tăng trưởng doanh thu và tăng trưởng lợi nhuận trên 10%.
 - Tổng doanh thu đạt 334,215 tỷ đồng, tăng 13% so với năm 2015.
 - Lợi nhuận trước thuế đạt 93,2 tỷ đồng, tăng 16% so với năm 2015.
 - Lợi nhuận sau thuế đạt 74,6 tỷ đồng, tăng 21% so với năm 2015.
 2. Điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh của Công ty phù hợp tình hình thực tế.
 3. Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính Công ty an toàn, hiệu quả. Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ các chi phí hoạt động của Công ty.
 4. Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và các quy chế khác.
 5. Đẩy mạnh hơn nữa tính thanh khoản cổ phiếu của Công ty.
 6. Tiếp tục duy trì, đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khác của HĐQT, kịp thời khắc phục những mặt yếu kém chưa làm được, nhằm cùng với BDH phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển xứng đáng với mong muốn của Cổ đông Công ty.
- Cuối cùng thay mặt cho HĐQT, tôi có lời cảm ơn sâu sắc đến Quý Cổ đông, các đối tác, khách hàng, các cơ quan, đoàn thể đã tin cậy, ủng hộ để GDT có sự phát triển mạnh mẽ, vượt qua khó khăn trong 25 năm qua và các năm tiếp theo.
- Tôi cũng xin gửi lời tri ân tới tập thể hơn 1.000 CB-CNV Công ty GDT, cảm ơn sự đóng góp hiệu quả của các anh chị trong suốt thời gian qua và hy vọng tất cả mọi thành viên sẽ tiếp tục phát huy khả năng của mình để đưa ngôi nhà GDT đạt được những kết quả tốt hơn nữa trong tương lai. Năm 2016, chắc chắn sẽ còn những khó khăn phía trước nhưng chúng ta sẽ luôn nỗ lực, phấn đấu để duy trì đà phát triển ổn định, mang lại những giá trị bền vững cho Công ty, những lợi ích thiết thực cho Cổ đông và hy vọng vị thế của GDT sẽ tiếp tục vươn lên một cách mạnh mẽ hơn.
- Trân trọng gửi tới toàn thể Quý vị lời chúc sức khỏe và thành đạt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



LÊ HẢI LIÊU



Ông Lê Hồng Thành
Ủy viên HĐQT, kiêm Phó TGD



Ông Lê Hồng Thắng
Phó Chủ tịch HĐQT, kiêm TGD



Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền
Giám đốc HCNS



Ông Chế Đồng Khánh
Phó GD Sản xuất



Bà Bùi Phương Thảo
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Đức
Phó GD Kỹ thuật

TỔNG KẾT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

Với 25 năm trong ngành chế biến gỗ, Công ty Gỗ Đức Thành (GDT) đã trở thành thương hiệu uy tín tại Việt Nam, với một nền tảng vững chắc về chất lượng và sự phát triển bền vững về mặt tài chính, nguồn nhân lực. Câu chuyện của GDT tiếp tục là cuộc hành trình không ngừng bước tới với ước mong mang đến nhiều điều tốt đẹp cho cộng đồng, cho khách hàng cũng như cho CB-CNV và cổ đông của công ty. Sự thành công của chặng đường đã qua là động lực để GDT không ngừng nỗ lực hướng tới tương lai, mở rộng sự phát triển không chỉ ở thị trường Việt Nam mà còn tự tin vươn xa ra thị trường Thế giới.

Khép lại một niên độ hoạt động trong điều kiện tình hình trong nước có nhiều diễn biến phức tạp như năm 2015, người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu, ngành công nghiệp phụ trợ trong nước còn hạn chế, hàng hóa ngoại nhập vào Việt Nam ngày càng tăng, các nhà bán lẻ bị thu tóm bởi những tập đoàn thuộc các quốc gia là đối thủ cạnh tranh của Việt Nam, nhiều chính sách thay đổi nên ảnh hưởng không ít đến các đơn hàng dự án... Bên cạnh đó, tại thị trường Xuất khẩu cũng bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như tỷ giá giữa các ngoại tệ EUR, JPY (Yen Nhật), KRW (Won Hàn Quốc) so với USD bị mất giá nhiều hơn là VND so với USD, tạo ra sự cạnh tranh khốc liệt về giá tại các thị trường này. Tăng trưởng kinh tế của nhiều nước trên thế giới có xu hướng chững lại, xung đột chính trị diễn ra ở nhiều nơi... nên trao đổi thương mại toàn cầu suy giảm hoặc thậm trọng hơn.

Mặc dù môi trường kinh doanh còn quá nhiều khó khăn và thách thức nhưng với sự nỗ lực không ngừng, GDT đã hoàn thành nhiệm vụ và vẫn tăng trưởng doanh thu, vẫn tăng trưởng lợi nhuận, mức tăng trưởng lợi nhuận cao hơn mức tăng trưởng doanh thu, đem lại nhiều phần khởi cho cả cổ đông lẫn CB-CNV toàn công ty.

TỔNG KẾT NĂM 2015.

1. Kết quả kinh doanh năm 2015

Tính đến ngày 31/12/2015, GDT đã đạt được các chỉ tiêu tài chính như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Thực hiện 2015	Tăng/giảm so với cùng kỳ	Kế hoạch 2015	Tăng/ giảm so với KH
	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)	(5)	(6)=(2)/(3)
1	Tổng doanh thu	266,316	295,766	111,1%	289,897	102,0%
	- Xuất khẩu	207,298	252,751	121,9%	247,237	102,2%
	- Nội địa	56,121	39,869	71,4%	42,000	94,9%
	- Cho thuê xưởng, khác	2,897	3,146	108,6%	660	376,6%
2	Lợi nhuận trước thuế (*)	67,099	80,457	119,9%	73,833	109,0%
3	Lợi nhuận sau thuế	51,630	61,565	119,2%	57,590	106,9%

Đánh giá chung

Tình hình kinh doanh.

- Việc tăng cường kiểm soát sử dụng, tận dụng Nguyên vật liệu chặt chẽ, quản lý các chi phí hiệu quả, cũng như linh động lựa chọn các đơn hàng, thị trường có tỷ trọng lợi nhuận tốt... đã góp phần mang lại lợi nhuận trước thuế cao là 80,4 tỷ, tăng 19,9% so với năm 2014.

• **Doanh thu Xuất khẩu:** đạt 252,7 tỷ, chiếm 86% tổng doanh thu toàn Công ty, tăng 2,2% so với kế hoạch đề ra. Kết quả này là do tập thể BDH và P.Xuất khẩu đã luôn phân tích theo sát tình hình kinh tế thế giới, chăm sóc khách hàng tốt, biết khai thác tốt nguồn khách hàng mới; tài chính GDT ổn định, áp dụng chính sách hỗ trợ nhà cung cấp để có giá nguyên vật liệu ổn định, nên giữ được giá tốt cho khách.

Sản phẩm chủ yếu xuất sang các nước như: Hàn Quốc, Nhật, Thái Lan, Hồng Kông, Đức, Anh, Ý, Mỹ, Pháp, Hà Lan, Úc..., trong đó châu Á chiếm 79,7%, châu Âu chiếm 16,6% trên tổng doanh thu Xuất khẩu.

• **Doanh thu Nội địa:** Trong năm 2015, doanh thu Nội địa không đạt như dự kiến là do hàng hóa ngoại nhập ngày càng nhiều, mẫu mã, giá cả rất cạnh tranh, người tiêu dùng càng có nhiều sự lựa chọn, sức mua có giảm... Đơn hàng dự án giảm mạnh do nhà nước thay đổi chính sách cũng như kiểm soát chặt chẽ việc quảng cáo, khuyến mãi cho trẻ dưới 2 tuổi... ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu của thị trường Nội địa. Để xoay chuyển tình hình, GDT tích cực củng cố và phát triển rộng khắp ra các tỉnh thành, sản phẩm đồ dùng nhà bếp thương hiệu Gỗ Đức Thành và đồ chơi trẻ em Winwintoy đã được bày bán thông qua gần 1.193 cửa hàng, đại lý trên toàn quốc, trong đó:

- Tp.HCM và các tỉnh miền Nam, Đông Nam Bộ chiếm 77,4%.
- Hà Nội và các tỉnh miền Bắc chiếm 10%.
- Đà Nẵng và các tỉnh miền Trung chiếm 12,6%.

Tình hình tài chính.

Khả năng sinh lợi

Các chỉ số phản ánh khả năng sinh lợi của Công ty năm 2015 so với 2014.

Chỉ tiêu	2014	2015
Khả năng sinh lợi		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	19,39%	20,82%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	27,29%	29,37%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	18,19%	20,60%
Năng lực hoạt động		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	85,99%	102,64%

Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2015

Chỉ tiêu	ĐVT	2014	2015
Vốn chủ sở hữu	VNĐ	203.601.301.847	215.704.956.882
Tài sản cố định hữu hình	VNĐ	27.606.489.574	35.889.240.572
Tài sản vô hình	VNĐ	12.221.347.183	12.190.850.767
Số lượng cổ phiếu	Cổ phiếu	10.372.365	12.965.455
Giá trị sổ sách trên 1 cổ phiếu	VNĐ	15.697	18.451
Giá đóng cửa sàn Hose ngày 31/12	VNĐ	34.800	37.700
Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (EPS)	VNĐ/CP	3.733	4.432
Hệ số giá (PE)		9,3	8,5

Hoạt động sản xuất.

- Tiếp tục duy trì và triển khai các cải tiến, giải pháp tiết giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua kiểm soát chặt chẽ nguyên liệu đầu vào, các định mức kỹ thuật, đơn giá nguyên phụ liệu, các sáng kiến kỹ thuật để nâng cao chất lượng, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm. Từ BÐH đến các bộ phận cùng nhau nắm bắt, chấn chỉnh kịp thời những bất cập trong mọi hoạt động, triển khai các giải pháp về cơ cấu sản phẩm, chất lượng và giá thành sản phẩm để nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Công ty luôn duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008; kiểm tra chất lượng theo AQL... để đáp ứng tất cả chất lượng, mẫu mã cho khách hàng.

Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, phát hành CP ESOP cho CB-CNV và quan hệ nhà đầu tư.

- GDT đã hoàn tất việc phát hành:

- Trả cổ tức 20% bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu.
- Thực hiện phát hành 4,6% cổ phiếu ESOP cho tất cả CB-CNV trong Công ty.

Với hai đợt phát hành này, Công ty đã nâng vốn điều lệ của Công ty từ 103.723.650.000 đồng lên 129.654.550.000 đồng.

- GDT chú trọng xây dựng quan hệ với các Cổ đông và nhà đầu tư dựa trên cơ sở cung cấp thông tin về Công ty một cách kịp thời, minh bạch và thường xuyên tiếp xúc, đối thoại trực tiếp & gián tiếp với nhà đầu tư, chuyên gia phân tích, quỹ đầu tư.

- GDT thực hiện công bố thông tin đúng hạn, đầy đủ theo yêu cầu của Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM, đồng thời đăng tải báo cáo tài chính và các thông tin quan trọng khác trên website www.goducthanh.com.

Hoạt động tổ chức và nhân sự.

- GDT xác định nguồn nhân lực là tài sản lớn nhất của doanh nghiệp và việc đào tạo nhân viên thông qua các chương trình phát triển nâng cao năng lực để đóng góp vào sự phát triển của công ty. Công ty GDT không ngừng củng cố, đào tạo bổ sung nhân sự có năng lực vào các vị trí quản lý, chuyên môn nghiệp vụ để đảm nhiệm các công việc được phân công.

- Phát huy phong trào sáng tạo, cải tiến quy trình sản xuất, quy trình làm việc trong toàn công ty thông qua các nhóm Score và có chế độ thưởng đãi ngộ kịp thời nhằm kích thích sự sáng tạo và đóng góp của tập thể CB-CNV và là sức mạnh của GDT. Năm 2015 thưởng 26.000.000 đồng cho các hoạt động cải tiến sáng kiến.

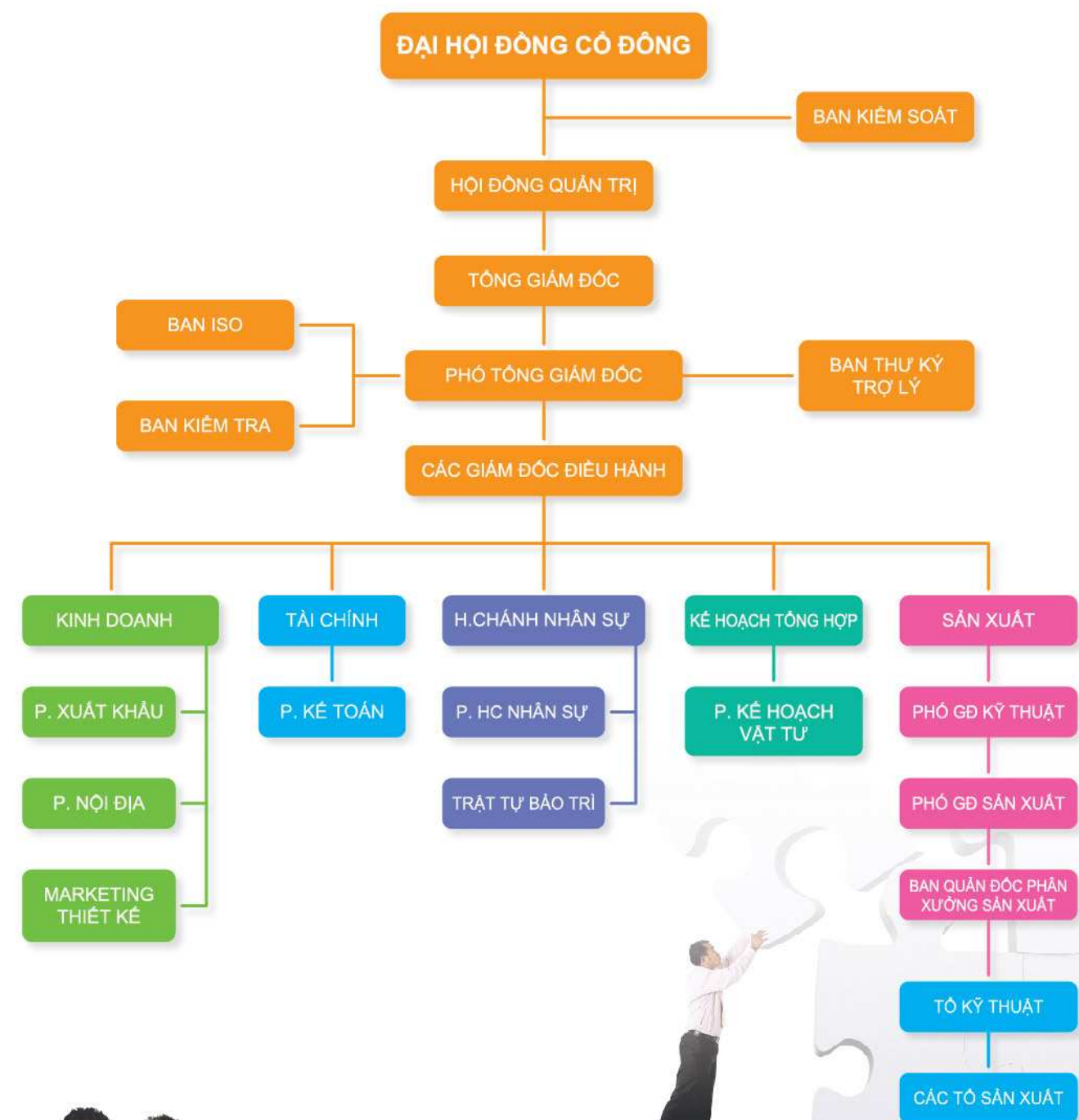
- Thực hiện các chế độ, chính sách đãi ngộ, nâng cao đời sống cho người lao động về vật chất lẫn tinh thần. Giữ vững và phát triển đội ngũ kỹ thuật, chuyên môn tạo động lực cho người phấn đấu hoàn thành công việc và gắn bó lâu dài.

- Trong nhiều năm liền, GDT luôn duy trì truyền thống tổ chức các hoạt động Quỹ khuyến học Lê Ba cho con em CB-CNV, hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, chăm lo đời sống thu nhập cho người lao động, công tác xã hội, bảo hộ lao động... tại GDT

- Cho đến nay, GDT tự hào khi có được một đội ngũ những người lao động trung thành, luôn đoàn kết cùng nhau và làm việc vì lợi ích chung. Tính đến ngày 31/12/2015, tổng số nhân viên của GDT là 919 người, trong đó:

- Có 769 lao động trực tiếp sản xuất và 150 lao động gián tiếp.
- Có 1 nhân viên trình độ thạc sĩ, 50 trình độ đại học, 30 trình độ cao đẳng và 35 trình độ trung cấp chuyên nghiệp.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH



Nổi kết cộng đồng.

- Chia sẻ tinh thần, thành quả vật chất với cộng đồng và xã hội luôn được GDT quan tâm như một trách nhiệm. Điều đặn các hoạt động của các đoàn thể chính trị - xã hội, đã thực hiện nhiều hoạt động dành cho cộng đồng rất thiết thực và có ý nghĩa đây là nét văn hóa rất tự hào của Công ty như: Ủng hộ chăm lo Tết cho các đối tượng chính sách khó khăn quận Gò Vấp; Hỗ trợ Quỹ đền ơn đáp nghĩa của Đoàn thanh niên Cộng sản TP.HCM; Quỹ học bổng Nữ sinh hiếu học, vượt khó; Chương trình tuổi trẻ vì biển đảo quê hương 2015 v.v...

ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2016

Với những nền tảng đã có, BDH sẽ cố gắng tập trung đảm nhận kế hoạch:

Tăng trưởng doanh thu năm 2016:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Tăng trưởng
1	Tổng doanh thu	295,766	334,215	113,0%
	- Doanh thu xuất khẩu	252,751	277,760	109,8%
	- Doanh thu nội địa	39,869	53,000	132,9%
	- Doanh thu cho thuê xưởng, khác (dăm bào, phế liệu)	3,146	3,455	109,8%
2	Tổng chi phí	215,309	240,957	111,9%
3	Lợi nhuận sản xuất kinh doanh trước thuế	80,457	93,258	116,0%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế từ sản xuất kinh doanh	61,565	74,607	121,2%
5	Lợi nhuận từ hoạt động chuyển nhượng đất MP2		20,000	100%

Phát triển thêm sản phẩm mới, tăng cường hoạt động Marketing trong và ngoài nước.

- Phát triển thêm sản phẩm mới cũng như đầu tư máy móc công nghệ mới để tạo sự khác biệt cho các dòng sản phẩm hiện có. Nâng cấp đội ngũ thiết kế, tạo ra nhiều sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng.

- Chăm sóc thật tốt các khách hàng truyền thống, tăng cường tham dự hội chợ trong nước và Quốc tế.

- Phát triển, nâng cao nghiệp vụ Marketing, tăng cường PR thương hiệu "Gỗ Đức Thành" và "Winwintoys" để người tiêu dùng biết đến nhiều hơn.

- Đẩy mạnh phát triển thị phần đối với các mảng kinh doanh chính: Tiếp tục khai thác các khách hàng dự án, các khách hàng mới.

Nâng cấp bộ máy quản lý.

- Tăng cường tìm kiếm, đào tạo và bổ nhiệm nhân sự điều hành cấp cao còn khuyết.

- Đào tạo tại chỗ và cho CB-CNV tham dự các khóa đào tạo ngắn hạn để nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn phù hợp và đáp ứng với qui mô quản trị bằng công nghệ thông tin, hiện đại.

Tiếp tục triển khai những cải tiến nhằm gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Theo dõi sát thị trường gỗ nguyên phụ liệu, dự trữ ở mức giá hợp lý. Đảm bảo GDT luôn có đủ gỗ để thực hiện các đơn hàng Nội địa, Xuất khẩu với giá bán phù hợp.

- Tăng cường đầu tư máy móc hiện đại để tăng năng suất và tiết kiệm chi phí sản xuất.

- Tiết giảm chi phí sản xuất, đảm bảo tình trạng tài chính của Công ty luôn lành mạnh, sử dụng vốn vay ở mức thấp và hiệu quả nhất.

- Áp dụng và triển khai các ứng dụng khoa học công nghệ vào công việc, quản lý nhằm tăng năng suất làm việc và tăng độ chính xác, độ bảo mật thông tin ngày càng tốt hơn.

- Đề xuất tiếp tục phát hành cổ phiếu ESOP cho CB-CNV, chương trình này là sự gắn kết giữa Công ty và người lao động, khuyến khích người lao động làm việc hiệu quả hơn, giúp Công ty ngày càng phát triển vững chắc hơn.

Trên đây là báo cáo của BDH năm 2015, thay mặt Công ty, tôi xin cảm ơn sự tin tưởng của Quý Cổ đông đầu tư vào GDT và xin gửi đến đội ngũ nhân sự GDT sự ghi nhận sâu sắc vì những đóng góp quý báu này.

Kính thưa Quý vị ! Năm 2016 là năm Công ty Gỗ Đức Thành kỷ niệm 25 năm thành lập Công ty và 15 năm Công ty cổ phần. Vững vàng trải qua những giai đoạn quan trọng cùng với sự phát triển của ngành chế biến biến gỗ từ khởi đầu là một cơ sở chế biến gỗ, đến khi cổ phần để trở thành công ty đại chúng và niêm yết trên thị trường chứng khoán, GDT mong muốn giữ cho mình ngọn lửa đam mê chinh phục đỉnh cao, luôn luôn hướng về phía trước với những khát vọng thành công to lớn hơn nữa. Do vậy, tôi tin rằng trong năm 2016, GDT sẽ tiếp tục gặt hái được nhiều thành công nhằm mang lại nhiều lợi ích hơn cho cổ đông và cộng đồng.

Chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào!

TM. Ban điều hành

TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ HỒNG THẮNG



Ông Trần Ngọc Hùng
Trưởng Ban

Bà Nguyễn Thị Hương Huyền
Thành viên

Kính thưa Quý Cổ đông,

Thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) theo luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần chế biến Gỗ Đức Thành (GDT), BKS xin báo cáo tình hình tài chính của công ty và công tác quản lý của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban điều hành (BDH) trong năm 2015 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2015.

1. Cơ cấu tổ chức.

- Ngày 25/04/2015, Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) đã thống nhất bầu 3 thành viên Ô. Trần Ngọc Hùng, B. Nguyễn Thị Hương Huyền và Ô. Nguyễn Vĩnh Quân vào BKS nhiệm kỳ 2015 - 2019.

- Ngày 20/5/2015, BKS đã họp và phân nhiệm chức danh trong BKS Công ty GDT như sau:

1. Ông Trần Ngọc Hùng : Trưởng BKS
2. Bà Nguyễn Thị Hương Huyền : Thành Viên BKS
3. Ông Nguyễn Vĩnh Quân : Thành Viên BKS

- Ngày 30/10/2015, Ông Nguyễn Vĩnh Quân làm đơn từ nhiệm thành viên BKS và BKS hoạt động với 2 thành viên còn lại nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ giám sát mà HĐQT giao.

2. Hoạt động của BKS

Trong năm 2015, BKS đã :

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, vì vậy BKS có điều kiện kiểm tra, giám sát các định hướng, chiến lược của Công ty cho từng giai đoạn. BKS đã trao đổi, tư vấn cho HĐQT, BDH những vấn đề còn tồn đọng sau mỗi kỳ họp để HĐQT, BDH làm căn cứ quyết định trong việc điều hành Công ty được kịp thời và hiệu quả.

- Thường xuyên tham gia góp ý và giám sát các việc sau:

- HĐQT thực hiện các Nghị quyết HĐQT đề ra.
- Kiểm tra chặt chẽ kết quả sản xuất kinh doanh, sổ liệu kế toán qua các thời kỳ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép sổ liệu về mọi mặt.
- Hiệu quả của các đơn hàng ; công nợ quá hạn và kiến nghị thực hiện thu hồi nợ.
- Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực, mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty.
- Tham gia kiểm kê kho nguyên liệu bán niên và cả năm; tìm hiểu hệ thống phòng cháy chữa cháy toàn Công ty và giám sát việc thực hiện.
- Thực hiện phương án phát hành trả cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu là 20%.
- Phát hành cổ phiếu ESOP cho CB-CNV (4,6%).
- GDT đã hoàn thành thủ tục tăng vốn, nhận giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nâng vốn điều lệ từ 103.723.650.000 đồng lên 129.654.550.000 đồng và toàn bộ cổ phiếu phát hành đã được nâng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM.
- Việc chuyển nhượng lô đất MP2, tỉnh Bình Dương cho đối tác được thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ công ty và Pháp luật. Thủ tục có kéo dài thời gian một chút do vướng phải một số quy định chặt chẽ của Khu công nghiệp.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT NĂM 2015

1. Thẩm định các báo cáo tài chính.

- Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty đã được P.kế toán, BDH và Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán đã phản ánh trung thực tình hình tài chính đến thời điểm 31/12/2015, phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với quy định của hệ thống kế toán hiện hành.
- GDT đã thực hiện tốt việc báo cáo hàng quý và công bố thông tin định kỳ cho Ủy ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán theo đúng quy định của Bộ tài chính về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Với nhiều lợi thế cạnh tranh về chất lượng và uy tín của sản phẩm GDT, thêm vào đó là công tác điều hành chặt chẽ, quản trị tốt đã đưa doanh thu và lợi nhuận sau thuế trong năm 2015 tăng lần lượt là 2% và 6,9% so với kế hoạch mà ĐHĐCĐ đề ra.

2. Trình độ, khả năng và mức độ độc lập của công ty kiểm toán.

- HĐQT đã chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 cho GDT. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán quốc tế chuyên nghiệp, thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực chế độ kế toán hiện hành. Theo ý kiến của kiểm toán viên thì báo cáo tài chính của GDT đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty.

3. Kết quả công tác giám sát hoạt động của HĐQT, BDH.

- Các hoạt động của HĐQT, BDH đều tuân thủ Điều lệ tổ chức cũng như các quy định của Pháp luật hiện hành, bảo đảm lợi ích của Công ty và Cổ đông.
- HĐQT và BDH đã:
 - Thực hiện rất tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ các bộ phận trong các hoạt động sản xuất kinh doanh và vượt kế hoạch ĐHĐCĐ phê duyệt.
 - Các Nghị quyết của HĐQT đều được thông qua với sự nhất trí cao của các thành viên và được BDH triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời.
 - Tích cực chủ động, linh hoạt trong điều hành sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.
 - Phối hợp với các phòng ban liên quan rà soát công tác kiểm kê, tăng cường giám sát khâu xử lý số liệu sau kiểm kê, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh các sai sót, tránh ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.
 - Ban điều hành và phòng kế toán đã rất tích cực trong việc theo sát các điều kiện được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành để Công ty được hưởng lợi cao nhất từ các chính sách ưu đãi của nhà nước.
- Năm qua, BKS không phát hiện điều gì bất thường, chưa có trường hợp các thành viên HĐQT, BDH, cán bộ quản lý vi phạm pháp luật, điều lệ, quy chế quản trị và các quy định khác của Công ty và BKS cũng không nhận bất kỳ đơn khiếu nại nào liên quan đến quyền lợi của Cổ đông.

4. Đánh giá sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, BDH.

- HĐQT, BDH đã hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi cho BKS thực hiện nhiệm vụ như cung cấp thông tin, cử cán bộ làm việc với BKS khi có yêu cầu, tham gia đóng góp ý kiến trong các cuộc họp HĐQT
- Định kỳ hàng quý, BKS phối hợp các bộ phận kiểm soát các hoạt động trong Công ty và lập báo cáo lưu ý cho HĐQT và BDH.

- Một số vấn đề mà BKS lưu ý trong quá trình kiểm soát đã được HĐQT, BDH, các bộ phận từng bước khắc phục và cải thiện tốt.

5. Kiến nghị của BKS.

Ngoài những thành công mà Công ty đã đạt được, BKS cũng có một số kiến nghị thêm như sau:

- Tiếp tục nâng cao các cải tiến trong sản xuất, bổ sung nhân sự cấp quản lý cũng như ổn định nhân sự các phòng ban cho phù hợp.
- Thường xuyên nâng cao tay nghề cho người lao động để nâng cao năng suất.
- Nếu trong điều kiện tài chính ổn định, Công ty nên mạnh dạn đầu tư máy móc hiện đại để tiết kiệm chi phí, tăng năng lực cạnh tranh so với các đối thủ cùng ngành.
- Tiếp tục thúc đẩy các thủ tục liên quan đến việc bán đất tại Mỹ Phước 2 Bình Dương để ghi nhận doanh thu và lợi nhuận trong năm tài chính 2016.

III. KẾ HOẠCH NĂM 2016

Năm 2016, BKS tiếp tục thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của BKS như sau:

- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2016 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm tài chính 2015 giao.
- Kiểm tra việc ban hành và thực thi các Nghị quyết của HĐQT, BDH trong công tác quản lý, điều hành Công ty.
- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý tài chính kế toán, kiểm tra tính chính xác, trung thực, hợp pháp trong việc lập, sử dụng, luân chuyển, lưu trữ chứng từ kế toán và lập báo cáo tài chính của năm 2016.
- Kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật của HĐQT, BDH trong quá trình điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh.
- BKS cũng sẽ dần hoàn thiện các quy trình hoạt động của mình dựa trên kết quả kiểm tra, giám sát với thực tiễn hoạt động của GDT.

Trên đây là báo cáo của BKS năm 2015, kính trình ĐHĐCĐ thông qua. Thay mặt BKS, tôi kính chúc Quý đại biểu, Quý cổ đông, Nhà đầu tư sức khỏe, thành đạt.

Xin chân trọng cảm ơn!

TM/BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



TRẦN NGỌC HÙNG

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty ngày 21 tháng 3 năm 2016

Tên cổ đông	Số CMND/ GCNDKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần hiện tại	Tỉ lệ (%)
1 Bà Hà Thị Huệ	020 343 493	216 Lý Tự Trọng, P.Bến Thành, Q.1, TP.HCM	2.952.720	22,77%
2 Quỹ Mutual Fund Elite	CA5604	C/O PYN Rahastoyhtio Oy, Tehtaankatu 29A, 00150, Helsinki, Finland.	1.242.000	9,58%
3 Ông Lê Hồng Thắng	022 768 118	216 Lý Tự Trọng, P.Bến Thành, Q1, TP.HCM	983.000	7,58%
4 Ông Lê Hồng Thành	022 760 219	1/11F BK1, P. Bình Khánh, Q2 TP.HCM	953.992	7,36%
TỔNG CỘNG			6.131.712	47,29%

- Tỉ lệ sở hữu của thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát và Ban Điều Hành tính đến ngày 21 tháng 3 năm 2016

STT	Tên	Số CMND	Chức danh	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỉ lệ sở hữu
I Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành					
1	Bà Lê Hải Liễu	020 343 551	Chủ tịch HĐQT	207,114	1.60%
2	Ông Lê Hồng Thắng	022 768 118	Phó chủ tịch kiêm TGĐ	983,000	7.58%
3	Ông Lê Hồng Thành	022 760 219	Thành viên HĐQT kiêm P.TGĐ	953,992	7.36%
4	Ông Nguyễn Công Hiếu	020 343 136	Thành viên HĐQT	11,000	0.08%
5	Ông Trần Xuân Nam	021 838 536	Thành viên HĐQT	6,000	0.05%
6	Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	024 183 985	Giám đốc hành chính nhân sự	20,358	0.16%
7	Ông Chế Đồng Khánh	211 936 399	Phó giám đốc sản xuất	7,400	0.06%
8	Ông Nguyễn Văn Đức	020 170 371	Phó giám đốc kỹ thuật	6,700	0.05%
9	Bà Bùi Phương Thảo	025 152 836	Kế toán trưởng	8,200	0.06%
TỔNG CỘNG				2,203,764	17,00%
II Ban Kiểm Soát					
1	Ông Trần Ngọc Hùng	025 879 041	Trưởng BKS	4,000	0.03%
2	Bà Nguyễn Thị Hương Huyền	022 824 240	Thành viên BKS	10,240	0.05%
TỔNG CỘNG				14,240	0.08%

- Giao dịch của cổ đông nội bộ năm 2015

Cổ đông nội bộ	Số CP trước khi giao dịch	Số CP đã bán	Số CP sau khi giao dịch	Tỉ lệ sở hữu
Lê Hải Liễu (CT HĐQT)	507,114	300,000	207,114	1.60%

Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 21 tháng 3 năm 2016

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Cổ đông nội bộ						
Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều Hành	2.203.764	17,00%	-	-	2.203.764	17,00%
Ban kiểm soát	14.240	0,11%	-	-	14.240	0,11%
Các cổ đông khác trong công ty	954.248	7,36%	-	-	954.248	7,36%
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng cổ đông nội bộ	3.172.252	24,47%	-	-	3.172.252	24,47%
Cổ đông ngoài công ty						
Cá nhân	6.406.047	49,41%	763.036	5,89%	7.169.083	55,29%
Tổ chức	165.404	1,28%	2.458.716	18,96%	2.624.120	20,24%
Tổng cộng cổ đông ngoài	6.571.451	50,68%	3.221.752	24,85%	9.793.203	75,53%
Tổng cộng toàn công ty	9.743.703	75,15%	3.221.752	24,85%	12.965.455	100,00%





BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2015

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Lê Hải Liễu	Chủ tịch
Ông Lê Hồng Thắng	Phó Chủ tịch
Ông Lê Hồng Thành	Thành viên
Ông Trần Xuân Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Công Hiếu	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Hồng Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Giám đốc Hành chính Nhân sự

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Hồng Thắng
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Số: 442/VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016, từ trang 4 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Phạm Văn Tân
Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0401-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		212.634.538.346	230.638.862.930
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	4.246.976.830	2.917.656.003
1. Tiền	111		4.246.976.830	517.656.003
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.400.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	120.500.000.000	134.100.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		120.500.000.000	134.100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.361.772.536	22.637.616.681
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	12.596.899.351	15.003.939.877
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.549.363.738	5.132.039.177
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		4.215.509.447	2.501.637.627
IV. Hàng tồn kho	140	8	60.160.813.221	65.747.988.721
1. Hàng tồn kho	141		60.224.628.080	67.985.997.721
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(63.814.859)	(2.238.009.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.364.975.759	5.235.601.525
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	412.023.363	339.929.399
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	15	5.952.952.396	4.895.672.126
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		75.512.809.981	79.069.016.953
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		350.256.459	322.757.884
1. Phải thu dài hạn khác	216		350.256.459	322.757.884
II. Tài sản cố định	220		48.080.091.339	39.827.836.757
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	35.889.240.572	27.606.489.574
- Nguyên giá	222		82.640.110.496	70.817.269.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.750.869.924)	(43.210.779.448)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	12.190.850.767	12.221.347.183
- Nguyên giá	228		15.246.264.013	15.019.114.013
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.055.413.246)	(2.797.766.830)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.072.314.311	12.771.132.036
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	2.072.314.311	12.771.132.036
IV. Tài sản dài hạn khác	260		25.010.147.872	26.147.290.276
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	24.478.085.663	25.554.480.884
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	13	532.062.209	592.809.392
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		288.147.348.327	309.707.879.883

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		72.442.391.445	106.106.578.036
I. Nợ ngắn hạn	310		69.202.774.362	103.020.808.036
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	8.813.790.025	8.437.256.164
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	16.399.693.857	5.015.414.257
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	4.834.805.334	4.498.401.215
4. Phải trả người lao động	314		5.182.707.077	4.894.668.877
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	14.344.612.130	19.902.634.618
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		612.975.819	411.689.458
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	8.098.779.780	53.273.735.370
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.915.410.340	6.587.008.077
II. Nợ dài hạn	330		3.239.617.083	3.085.770.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		3.239.617.083	3.085.770.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		215.704.956.882	203.601.301.847
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	215.704.956.882	203.601.301.847
1. Vốn cổ phần	411		129.654.550.000	103.723.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.856.593.370	2.856.593.370
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.669.340.514	18.669.340.514
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		64.524.472.998	78.351.717.963
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		47.234.632.963	49.654.364.792
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		17.289.840.035	28.697.353.171
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		288.147.348.327	309.707.879.883

Trần Nguyễn Việt Trung
Người lậpBùi Phương Thảo
Kế toán trưởngLê Hồng Thắng
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		297.020.217.258	267.387.395.377
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.253.929.289	1.070.893.162
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	21	295.766.287.969	266.316.502.215
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		183.616.665.174	172.246.595.661
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		112.149.622.795	94.069.906.554
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	7.944.379.636	7.499.097.817
7. Chi phí tài chính	22	25	2.438.607.111	1.900.227.907
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		510.247.860	889.581.412
8. Chi phí bán hàng	24	26	15.715.145.767	15.278.551.032
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	20.887.200.294	17.785.949.975
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		81.053.049.259	66.604.275.457
11. Thu nhập khác	31		640.163.026	727.943.796
12. Chi phí khác	32		1.236.157.119	232.800.427
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(595.994.093)	495.143.369
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		80.457.055.166	67.099.418.826
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	18.831.554.611	15.533.571.038
16. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	27	60.747.183	(64.917.026)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		61.564.753.372	51.630.764.814
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	4.432	3.733

Trần Nguyễn Việt Trung
Người lập

Bùi Phương Thảo
Kế toán trưởngLê Hồng Thắng
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	80.457.055.166	67.099.418.826
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.110.234.338	4.448.953.973
Các khoản dự phòng	03	(2.174.194.141)	(243.293.501)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	31.813.921	164.830.897
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.983.831.586)	(6.912.929.949)
Chi phí lãi vay	06	510.247.860	889.581.412
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	76.951.325.558	65.446.561.658
Thay đổi các khoản phải thu	09	(38.103.756)	1.277.806.007
Thay đổi hàng tồn kho	10	7.761.369.641	(1.128.681.334)
Thay đổi các khoản phải trả	11	6.335.072.803	2.108.213.282
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.004.301.257	1.317.470.763
Tiền lãi vay đã trả	14	(510.247.860)	(889.581.412)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(20.041.528.622)	(20.758.498.467)
Chi tiền khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(1.052.420.150)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	71.462.189.021	46.320.870.347
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(4.199.194.113)	(8.667.055.531)
2. Tiền thu do bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	1.708.181.819	188.363.851
3. Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	-	(43.100.000.000)
4. Tiền thu hồi từ gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	13.600.000.000	-
5. Lãi tiền gửi ngân hàng đã nhận	27	7.098.084.046	6.473.543.728
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	18.207.071.752	(45.105.147.952)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	5.186.180.000	-
2. Tiền vay nhận được	33	99.753.701.847	128.383.741.363
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(145.171.516.231)	(112.626.175.560)
4. Cổ tức đã trả	36	(48.445.821.600)	(17.622.264.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(88.677.455.984)	(1.864.698.797)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	991.804.789	(648.976.402)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.917.656.003	3.499.241.715
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	337.516.038	67.390.690
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	4.246.976.830	2.917.656.003

Trần Nguyễn Việt Trung
Người lập

Bùi Phương Thảo
Kế toán trưởngLê Hồng Thắng
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2016

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301449014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 01 năm 2012, và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này điều chỉnh cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000126 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 8 năm 2000, và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 919 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 948 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm đồ gỗ gia dụng, cán chổi, cán cờ, ván ghép và đồ chơi trẻ em bằng gỗ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Vì vậy, một số số liệu của báo cáo tài chính năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của báo cáo tài chính năm nay khi Công ty áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	4 - 12
Phương tiện vận tải	3 - 9
Thiết bị văn phòng	6 - 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không tính khấu hao. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng, trả trước tiền thuê đất của các lô đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2 và Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, tỉnh Bình Dương và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước và chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng có liên quan được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến bốn năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt	119.911.954	27.684.307
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.127.064.876	489.971.696
Các khoản tương đương tiền	-	2.400.000.000
	4.246.976.830	2.917.656.003

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc một tháng với lãi suất 4,8%/năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ hơn ba tháng tới một năm với lãi suất từ 4,5%/năm đến 7,1%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 5,3%/năm đến 8,0%/năm).

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Công ty TNHH Metro Cash & Carry Việt Nam	1.381.592.064	752.255.569
Công ty TNHH Dong Yang International	1.433.126.304	2.383.805.432
Các khoản phải thu khách hàng khác	9.782.180.983	11.867.878.876
	12.596.899.351	15.003.939.877

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015 VND		31/12/2014 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	42.995.343.520	(63.814.859)	45.025.272.771	(2.238.009.000)
Công cụ, dụng cụ	630.333.327	-	1.624.870.522	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.439.332.327	-	9.771.777.769	-
Thành phẩm	8.153.815.545	-	10.268.355.101	-
Hàng gửi đi bán	5.803.361	-	1.295.721.558	-
	60.224.628.080	(63.814.859)	67.985.997.721	(2.238.009.000)

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho với số tiền là 2.109.030.944 đồng (năm 2014: Công ty đã trích lập thêm dự phòng hàng tồn kho là 57.228.948 đồng).

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	33.138.494.316	31.325.031.561	5.136.608.178	1.217.134.967	70.817.269.022
Tăng trong năm	3.376.894.823	165.860.000	1.075.499.790	-	4.618.254.613
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	8.667.883.725	-	1.206.047.082	-	9.873.930.807
Thanh lý	-	(579.639.400)	(2.089.704.546)	-	(2.669.343.946)
Tại ngày 31/12/2015	45.183.272.864	30.911.252.161	5.328.450.504	1.217.134.967	82.640.110.496
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	14.921.702.531	24.976.556.769	2.121.994.860	1.190.525.288	43.210.779.448
Khấu hao trong năm	2.239.645.935	1.927.634.985	666.211.390	19.095.612	4.852.587.922
Thanh lý	-	(509.277.146)	(803.220.300)	-	(1.312.497.446)
Tại ngày 31/12/2015	17.161.348.466	26.394.914.608	1.984.985.950	1.209.620.900	46.750.869.924
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	28.021.924.398	4.516.337.553	3.343.464.554	7.514.067	35.889.240.572
Tại ngày 31/12/2014	18.216.791.785	6.348.474.792	3.014.613.318	26.609.679	27.606.489.574

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 18.299.796.722 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 14.838.080.615 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã thế chấp nhà xưởng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 12.003.119.368 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 12.776.383.792 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	14.917.549.433	101.564.580	15.019.114.013
Tăng trong năm	227.150.000	-	227.150.000
Tại ngày 31/12/2015	15.144.699.433	101.564.580	15.246.264.013
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	2.696.202.250	101.564.580	2.797.766.830
Khấu hao trong năm	257.646.416	-	257.646.416
Tại ngày 31/12/2015	2.953.848.666	101.564.580	3.055.413.246
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	12.190.850.767	-	12.190.850.767
Tại ngày 31/12/2014	12.221.347.183	-	12.221.347.183

Giá trị còn lại của quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm:

- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại số 21/6D đường Phan Huy Ích, phường 14, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, với giá trị còn lại là 2.100.813.399 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.100.813.399 đồng). Quyền sử dụng đất này không được tính khấu hao theo các quy định hiện hành.

- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại lô 835, bản đồ số 7, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, với giá trị còn lại là 5.836.065.566 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 5.999.999.988 đồng). Quyền sử dụng đất này được khấu hao trong 45 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 13 tháng 10 năm 2005. Như trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất này để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại lô 1130, bản đồ số 7, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, với giá trị còn lại là 4.033.937.635 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 4.120.533.791 đồng). Quyền sử dụng đất này được khấu hao trong 50 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 21 tháng 4 năm 2012.

- Quyền sử dụng đất có thời hạn cho đường vào nhà máy sản xuất của công ty tại xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, với giá trị còn lại là 220.034.167 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 0 đồng). Quyền sử dụng đất này được khấu hao trong 47,5 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 101.564.580 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 101.564.580 đồng).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi phí xây dựng nhà xưởng tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2, tỉnh Bình Dương	2.072.314.311	4.970.395.296
Mua máy móc thiết bị	-	538.119.000
Chi phí xây dựng nhà xưởng tại huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	-	7.262.617.740
	2.072.314.311	12.771.132.036

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	412.023.363	339.929.399
	412.023.363	339.929.399
b) Dài hạn		
Chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng và tiền thuê đất trả trước tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2	23.226.011.939	23.654.146.598
Trả trước tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3	1.158.062.350	1.186.633.225
Chi phí trả trước dài hạn khác	94.011.374	713.701.061
	24.478.085.663	25.554.480.884

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của lô đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2, tỉnh Bình Dương cho công ty Cổ phần thép Phú Đức, với giá 68.015.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng sẽ được thực hiện trong năm 2016. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, công ty đã nhận được số tiền ứng trước của công ty Cổ phần thép Phú Đức với số tiền là 13.000.000.000 đồng như trình bày ở thuyết minh số 17.

13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm hiện tại và năm trước.

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND	Các khoản trích trước VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2014	554.031.500	(30.979.134)	4.840.000	527.892.366
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	78.288.100	(8.531.074)	(4.840.000)	64.917.026
Tại ngày 31/12/2014	632.319.600	(39.510.208)	-	592.809.392
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	(28.354.183)	(27.993.000)	(4.400.000)	(60.747.183)
Tại ngày 31/12/2015	603.965.417	(67.503.208)	(4.400.000)	532.062.209

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014				Trong năm				31/12/2015			
	VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	VND	VND	Tăng	Giảm	VND	VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	VND
Ngân hàng TMCP Kiên Long ("Kienlongbank")	-	-	-	-	36.267.094.837	-	-	36.267.094.837	32.307.159.680	3.959.935.157	3.959.935.157	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ("Maritime Bank")	-	-	-	-	12.009.840.023	-	-	12.009.840.023	7.870.995.400	4.138.844.623	4.138.844.623	-
Ngân hàng Commonwealth - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ("Commonwealth Bank")	32.103.331.420	32.103.331.420	32.103.331.420	39.696.977.078	71.800.308.498	-	-	71.800.308.498	-	-	-	-
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh ("Vietcombank")	21.170.403.950	21.170.403.950	21.170.403.950	12.022.648.703	33.193.052.653	-	-	33.193.052.653	-	-	-	-
	53.273.735.370	53.273.735.370	53.273.735.370	99.996.560.641	145.171.516.231			99.996.560.641	8.098.779.780	8.098.779.780		

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Kienlongbank thể hiện các khoản vay bằng đô la Mỹ và có hạn mức là 2.000.000 đô la Mỹ theo hợp đồng tín dụng số 0691/15/HĐTD/1500-3972 ngày 13 tháng 5 năm 2015. Hợp đồng này được thế chấp bằng các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Kienlongbank. Các khoản vay chịu mức lãi suất 1,7%/năm và tiền lãi vay được thanh toán hàng tháng. Các khoản vay này được hoàn trả trong vòng 6 tháng cho từng lần giải ngân.

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Maritime Bank thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam và có hạn mức là 20.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 249/2015/HĐTDHM ngày 05 tháng 11 năm 2015. Hợp đồng này được thế chấp bằng các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Maritime Bank. Các khoản vay chịu mức lãi suất 1,5%/năm và tiền lãi vay được thanh toán hàng tháng. Các khoản vay này được hoàn trả trong vòng 6 tháng cho từng lần giải ngân.

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Commonwealth Bank thể hiện các khoản vay bằng đô la Mỹ và có hạn mức là 2.000.000 đô la Mỹ theo hợp đồng tín dụng số 600812039/LC-CBAVN ngày 13 tháng 02 năm 2012. Hợp đồng này được thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại nhà máy Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (xem Thuyết minh số 9 và 10). Các khoản vay chịu mức lãi suất 1,7%/năm và tiền lãi vay được thanh toán hàng tháng. Các khoản vay này được hoàn trả trong vòng 180 ngày cho từng lần giải ngân.

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Vietcombank thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam và có hạn mức là 50.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 0221/KH/14NH ngày 04 tháng 10 năm 2014. Hợp đồng này được thế chấp bằng các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Vietcombank. Các khoản vay chịu mức lãi suất 1,7%/năm và tiền lãi vay được thanh toán hàng tháng. Các khoản vay này được hoàn trả trong vòng 6 tháng cho từng lần giải ngân.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2015 VND	Số phải thu/nộp trong năm (VND)	Số đã thực thu/nộp trong năm (VND)	31/12/2015 VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	4.895.672.126	24.418.358.136	23.361.077.866	5.952.952.396
	4.895.672.126	24.418.358.136	23.361.077.866	5.952.952.396
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	273.414.716	4.853.380.165	4.830.444.837	296.350.044
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.101.461.823	20.252.055.417	20.041.528.622	4.311.988.618
Thuế thu nhập cá nhân	123.524.676	2.409.591.780	2.306.649.784	226.466.672
	4.498.401.215	27.515.027.362	27.178.623.243	4.834.805.334

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Lê Văn	1.444.724.214	1.444.724.214	537.641.589	537.641.589
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Hoàng Cẩm Tú	989.083.865	989.083.865	693.615.120	693.615.120
Công ty ĐT & PT công nghiệp (Becamex IDC)	965.044.646	965.044.646	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	5.414.937.300	5.414.937.300	7.205.999.455	7.205.999.455
	8.813.790.025	8.813.790.025	8.437.256.164	8.437.256.164

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần thép Phú Đức	13.000.000.000	-
Các khoản người mua trả tiền trước khác	3.399.693.857	5.015.414.257
	16.399.693.857	5.015.414.257

Khoản ứng trước của Công ty Cổ phần thép Phú Đức liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của lô đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2, tỉnh Bình Dương với tổng giá trị hợp đồng là 68.015.000.000 đồng như được trình bày tại thuyết minh số 12.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trích trước tiền thưởng cho người lao động	12.416.782.103	12.131.820.000
Tiền thuê đất phải trả	53.494.447	6.074.417.473
Chi phí phải trả khác	1.874.335.580	1.696.397.145
	14.344.612.130	19.902.634.618

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	103.723.650.000	18.669.340.514	49.517.050.130	174.766.634.014
Lợi nhuận trong năm	-	-	51.630.764.814	51.630.764.814
Chia cổ tức	-	-	(17.633.020.500)	(17.633.020.500)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(5.163.076.481)	(5.163.076.481)
Tại ngày 31/12/2014	103.723.650.000	18.669.340.514	78.351.717.963	203.601.301.847
Tăng vốn trong năm	25.930.900.000	-	-	25.930.900.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	61.564.753.372	61.564.753.372
Chia cổ tức	-	-	(69.235.523.000)	(69.235.523.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(6.156.475.337)	(6.156.475.337)
Tại ngày 31/12/2015	129.654.550.000	18.669.340.514	64.524.472.998	215.704.956.882

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị phê duyệt tỉ lệ chia cổ tức từ 25% đến 30% mệnh giá cổ phần từ lợi nhuận năm 2014. Theo đó, trong năm 2014, căn cứ vào Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 02 tháng 10 năm 2014, Công ty đã công bố tạm chi trả cổ tức bằng 10% mệnh giá cổ phần với số tiền là 10.372.365.000 đồng và thực tế đã thanh toán với số tiền là 10.366.038.000 đồng. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 30 tháng 12 năm 2014, Công ty đã công bố tạm chi trả cổ tức đợt 2 năm 2014 bằng 10% mệnh giá cổ phần với số tiền là 10.372.365.000 đồng và việc chi trả sẽ được thực hiện trong tháng 01 năm 2015. Theo đó, Công ty đã thanh toán với số tiền là 10.365.705.000 đồng trong năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 18 tháng 7 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tạm chia cổ tức bằng 15% mệnh giá cổ phần từ lợi nhuận năm 2015 với số tiền là 18.670.255.500 đồng. Theo đó, trong năm 2015, Công ty đã công bố chi trả cổ tức với số tiền là 18.670.255.500 đồng và thực tế đã thanh toán với số tiền là 18.658.267.500 đồng trong năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 31 tháng 10 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tạm chia cổ tức đợt 2 của năm 2015 bằng 15% mệnh giá cổ phần từ lợi nhuận năm 2015 với số tiền là 19.448.182.500 đồng. Theo đó, trong năm 2015, Công ty đã công bố chi trả cổ tức với số tiền là 19.448.182.500 đồng và thực tế đã thanh toán với số tiền là 19.436.194.500 đồng trong năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07-15/NQ-ĐT ngày 25 tháng 4 năm 2015 Công ty đã chia cổ tức đợt 3 năm 2014 bằng cổ phiếu theo tỉ lệ 100:20, tương đương với số tiền là 20.744.720.000 đồng (20.744.720 cổ phiếu). Việc niêm yết đã được chấp thuận thông qua Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh số 95/2009/GCNCP-VSD-1 ngày 14 tháng 7 năm 2015.

Cũng theo nghị quyết nói trên, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã đồng ý thông qua việc phát hành 518.618 cổ phiếu, tương ứng tổng giá trị phát hành là 5.186.180.000 đồng cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty. Công ty đã nộp hồ sơ phát hành thêm cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận kết quả phát hành cổ phiếu vào ngày 23 tháng 11 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã hoàn thành tất việc phát hành 518.618 cổ phiếu này.

Ngoài ra, Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 10% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 25 tháng 4 năm 2015.

Cổ phần	31/12/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	12,965,455	10.372.365
Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đầy	12,965,455	10.372.365
<i>Cổ phần thưởng</i>	12,965,455	10.372.365
Số lượng cổ phần đang lưu hành	12,965,455	10.372.365
<i>Cổ phần thưởng</i>	12,965,455	10.372.365
Mệnh giá cổ phần (đồng)	10,000	10.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thưởng không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thưởng được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ:

Đơn vị	31/12/2015	31/12/2014
Đô la Mỹ	USD	
	6.423	3.949

21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng	293.873.924.038	264.490.085.832
Doanh thu cung cấp dịch vụ	660.000.000	660.000.000
Doanh thu khác	2.486.293.220	2.237.309.545
	<u>297.020.217.258</u>	<u>267.387.395.377</u>
Giảm trừ doanh thu - Giảm giá dịch vụ cung cấp	(1.253.929.289)	(1.070.893.162)
	<u>295.766.287.969</u>	<u>266.316.502.215</u>

22. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Doanh thu và lợi nhuận của Công ty chủ yếu thu được từ hoạt động sản xuất và bán đồ gỗ gia dụng và đồ chơi trẻ em bằng gỗ mà không có sự khác biệt nhiều về rủi ro cũng như tỷ suất lợi nhuận của hai mặt hàng này, do đó, Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và bán sản phẩm đồ gỗ. Ngoài ra, mặc dù Công ty có doanh thu từ hoạt động xuất khẩu và doanh thu từ nội địa, doanh thu từ hai hoạt động này không có sự khác biệt nhiều về rủi ro và tỷ suất lợi nhuận, do đó, không cần thiết phải trình bày thông tin về báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cho hai loại hình doanh thu này.

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	97.068.897.440	100.735.835.065
Chi phí nhân công	90.091.484.318	83.894.820.391
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.110.234.338	4.448.953.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.321.641.894	21.874.270.222
Chi phí khác	4.084.051.521	2.079.223.094
	<u>217.676.309.511</u>	<u>213.033.102.745</u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.961.843.267	6.960.493.641
Lãi chênh lệch tỷ giá	942.331.218	452.928.190
Chiết khấu thanh toán	40.205.151	85.675.986
	<u>7.944.379.636</u>	<u>7.499.097.817</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Chi phí lãi vay	510.247.860	889.581.412
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.928.359.251	1.010.646.495
	<u>2.438.607.111</u>	<u>1.900.227.907</u>

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015 VND	2014 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân viên	13.824.288.683	12.164.548.755
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.062.911.611	5.621.401.220
	<u>20.887.200.294</u>	<u>17.785.949.975</u>

Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

- Chi phí nhân viên	5.296.868.911	4.982.435.691
- Chi phí vận chuyển hàng hóa	2.703.211.520	2.407.602.461
- Chi phí hoa hồng bán hàng	1.514.093.206	1.518.737.133
- Các khoản chi phí bán hàng khác	6.200.972.130	6.369.775.747
	<u>15.715.145.767</u>	<u>15.278.551.032</u>

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	18.363.238.500	15.619.673.172
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	468.316.111	(86.102.134)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18.831.554.611	15.533.571.038

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	80.457.055.166	67.099.418.826
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(337.516.038)	(179.591.855)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.712.908.598	4.332.323.811
Thu nhập tính thuế	83.832.447.726	71.252.150.782
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18.443.138.500	15.675.473.172
Trừ: Chi cho lao động nữ	(79.900.000)	(55.800.000)
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước	468.316.111	(86.102.134)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm	18.831.554.611	15.533.571.038

	2015 VND	2014 VND
Chi phí/(Thu nhập) thuế hoãn lại		
- Chênh lệch tạm thời chịu thuế/(được khấu trừ thuế)	60.747.183	(64.917.026)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	60.747.183	(64.917.026)

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% (2014: 22%) trên thu nhập chịu thuế theo quy định hiện hành.

Cơ quan thuế chưa thực hiện việc quyết toán thuế tại Công ty liên quan đến việc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2012. Ban Giám đốc nhận thức được số thuế phải nộp trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ được Cơ quan thuế quyết toán lại trong tương lai. Do cách hiểu khác nhau trong việc áp dụng luật thuế và các quy định hiện hành trong việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện nay có thể dẫn đến sự khác biệt về số thuế phải nộp của Công ty khi Cơ quan thuế quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu như bên dưới và số liệu của năm trước cũng được phân loại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm:

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	61.564.753.372	51.630.764.814
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	6.156.475.337	5.163.076.481
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	55.408.278.035	46.467.688.333
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.502.251	12.446.837
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.432	3.733

Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Trong năm 2015, Công ty đã phát hành thêm 2.074.472 cổ phần, tăng vốn cổ phần của chủ sở hữu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Số cổ phiếu bình quân gia quyền
Theo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	10.372.365
Ảnh hưởng của việc tăng thêm cổ phần từ lợi nhuận các năm trước	2.074.472
Số đã điều chỉnh lại	12.446.837

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	2.917.614.118	1.162.109.000
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	1.025.183.156	1.964.415.366
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	241.915.782	5.526.076.832
Sau năm năm	1.694.216.859	33.972.012.263
	2.961.315.797	41.462.504.461

Cam kết thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 4.877 m² đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, tỉnh Bình Dương với số tiền lần lượt là 0,2 đô la Mỹ/m²/năm đối với việc thuê đất và 0,02 đô la Mỹ/m²/tháng đối với phí cơ sở hạ tầng tính từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Tiền thuê đất được chi trả ổn định trong một kỳ là 5 năm và được thanh toán định kỳ hai lần mỗi năm. Giá thuê và phí cơ sở hạ tầng lần lượt sẽ được điều chỉnh tăng sau mỗi kỳ 5 năm nhưng không quá 15% và 20% so với giá của kỳ 5 năm trước đó. Hợp đồng thuê đất có thời hạn từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 đến 30 tháng 6 năm 2056.

- Tổng số tiền thuê nhà tại 172 Nguyễn Văn Trỗi, phường 8, quận Phú Nhuận với số tiền là 50 triệu đồng/tháng từ ngày 07 tháng 7 năm 2012 đến 30 tháng 6 năm 2014 và tăng lên thành 60 triệu đồng/tháng từ ngày 01 tháng 7 năm 2014. Hợp đồng thuê có thời hạn từ ngày 07 tháng 7 năm 2012 đến 30 tháng 6 năm 2016.

- Tổng số tiền thuê nhà tại Phú Mỹ Hưng, quận 7, với số tiền là 40.800.000 đồng/tháng. Hợp đồng thuê có thời hạn từ ngày 01 tháng 1 năm 2015 đến 31 tháng 12 năm 2016.

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty ký hợp đồng cam kết mua máy móc thiết bị để phục vụ cho việc sản xuất với giá trị là 1.423.764.290 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 2.577.341.644 đồng).

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản vay	8.098.779.780	53.273.735.370
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	4.246.976.830	2.917.656.003
Nợ thuần	3.851.802.950	50.356.079.367
Vốn chủ sở hữu	215.704.956.882	203.601.301.847
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,02	0,25

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.246.976.830	2.917.656.003
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120.500.000.000	134.100.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.822.733.105	17.211.346.340
	139.569.709.935	154.229.002.343
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	8.098.779.780	53.273.735.370
Phải trả người bán và phải trả khác	9.033.580.025	8.648.846.164
Chi phí phải trả	14.344.612.130	19.902.634.618
	31.476.971.935	81.825.216.152

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ ("USD")	12.053.736.734	12.793.694.062	8.098.779.780	53.273.735.370

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm một khoản tương ứng với số tiền là 79.099.139 đồng (năm 2014: giảm/tăng 809.600.826 đồng).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay tăng/giảm 20 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng 16.197.560 đồng (năm 2014: 106.547.471 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận.

Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.246.976.830	-	4.246.976.830
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120.500.000.000	-	120.500.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.472.476.646	350.256.459	14.822.733.105
	139.219.453.476	350.256.459	139.569.709.935

Các khoản vay	8.098.779.780	-	8.098.779.780
Phải trả người bán và phải trả khác	8.813.790.025	219.790.000	9.033.580.025
Chi phí phải trả	14.344.612.130	-	14.344.612.130
	31.257.181.935	219.790.000	31.476.971.935

Chênh lệch thanh khoản thuần	107.962.271.541	130.466.459	108.092.738.000
-------------------------------------	------------------------	--------------------	------------------------

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.917.656.003	-	2.917.656.003
Đầu tư tài chính ngắn hạn	134.100.000.000	-	134.100.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.941.346.340	270.000.000	17.211.346.340
	153.959.002.343	270.000.000	154.229.002.343

Các khoản vay	53.273.735.370	-	53.273.735.370
Phải trả người bán và phải trả khác	8.648.846.164	-	8.648.846.164
Chi phí phải trả	19.902.634.618	-	19.902.634.618
	81.825.216.152	-	81.825.216.152

Chênh lệch thanh khoản thuần	72.133.786.191	270.000.000	72.403.786.191
-------------------------------------	-----------------------	--------------------	-----------------------

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty được hưởng trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Thù lao, lương và thưởng cho Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.981.508.000	2.214.932.000

Số dư với Ban Giám đốc tại ngày lập báo cáo tài chính như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Ứng trước tiền mua lại đất Phú An cho Ông Lê Hồng Thắng - Tổng Giám đốc	3.500.000.000	3.500.000.000

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 150.670.582 đồng (năm 2014 là 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi trả cổ tức trong năm không bao gồm 20.744.720.000 đồng (năm 2014 là 0 đồng), là số tiền dùng để thanh toán cổ tức bằng cổ phiếu trong năm. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay chi trả cổ tức.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại và trình bày lại cho phù hợp với việc so sánh với số liệu của báo cáo tài chính năm nay, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC		Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC		Thay đổi	
	Mã số	31/12/2014	Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	
I. Tài sản						
1 Đầu tư ngắn hạn	121	134,100,000,000	1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	134,100,000,000	Phân loại lại
2 Phải thu khách hàng	131	15,003,939,877	2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	15,003,939,877	Đổi tên
3 Trả trước cho người bán	132	5,132,039,177	3 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5,132,039,177	Đổi tên
4 Các khoản phải thu khác	135	2,007,551,445	4 Phải thu ngắn hạn khác	136	2,501,637,627	Phân loại lại và đổi tên
5 Tài sản ngắn hạn khác	158	494,086,182	5 Tài sản ngắn hạn khác	155	-	Phân loại lại
6 Phải thu dài hạn khác	218	52,757,884	6 Phải thu dài hạn khác	216	322,757,884	Phân loại lại và đổi tên
7 Tài sản dài hạn khác	268	270,000,000	7 Tài sản dài hạn khác	268	-	Trình bày lại
II. Nguồn vốn						
1 Phải trả người bán	312	8,437,256,164	1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	8,437,256,164	Đổi tên
2 Người mua trả tiền trước	313	5,015,414,257	2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5,015,414,257	Đổi tên
3 Chi phí phải trả	316	19,902,634,618	3 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19,902,634,618	Đổi tên
4 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	411,689,458	4 Phải trả ngắn hạn khác	319	411,689,458	Đổi tên
5 Vay và nợ ngắn hạn	311	53,273,735,370	5 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	53,273,735,370	Đổi tên
6 Quỹ đầu tư phát triển	417	9,688,104,867	6 Quỹ đầu tư phát triển	418	18,669,340,514	Phân loại lại
7 Quỹ dự phòng tài chính	418	8,981,235,647				Phân loại lại

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC		Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC		Thay đổi	
	Mã số	2014	Chỉ tiêu	Mã số	2014	
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	265,150,085,832	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	267,387,395,377	Phân loại lại
2 Thu nhập khác	31	3,609,982,146	2 Thu nhập khác	31	727,943,796	Phân loại lại

35. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 30 tháng 3 năm 2016.



Trần Nguyễn Việt Trung
Người lập



Bùi Phương Thảo
Kế toán trưởng



Lê Hồng Thắng
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 3 năm 2016



Years

& Formation
Development



CHAIRMAN'S STATEMENT

Dear our Shareholders!

The economy - society in 2015 took place in the context of the remaining unstable over global markets. The economy develops unevenly and unsustainably. The European markets have been kept with stagnating situation for a long time. Fluctuations in commodity prices, especially the critical decrease of oil prices made pressure on the budget balance in all aspects. The domestic macroeconomic is also against a lot difficulties because of the global situation.

Despite of the disadvantages, DTW continuously got another year with impressive results: Total revenue in 2105 achieved over 295 billion VND, increasing by 2 % against the target, 11.1 % comparing with last year. Especially, the profit before tax increasing by 9 % against the target and 19.9 % comparing with the same period. In 2015, we got a profit 80.4 billions VND. Thanks to this, the EPS index increased around 19%, from 3,733 in 2014 to 4,432 in 2015.

It is worth mentioning here is the rate of profit increased almost every year higher than the revenue growth rate, this was a highlight that any shareholder or economists would have to admit that it is not simple at all. Yet DTW has done, not just one year but successive years, shows this is not due to luck. Why?

Duc Thanh Wood undergone 25 years of development, now has experienced steady and sustainable steps and nothing can break. In recent years, DTW constantly updated new technology to increase productivity. Not only in-depth development, which DTW also develop in width with the distribution network of more than 1,000 stores, dealers across the country ... Vietnam and available in more than 50 countries worldwide. DTW leadership team always adapt to any situations and always found the appropriate direction for growth...

Dear Ladies and Gentlemen,

Being as shareholders, investors, certainly that you will be confident and proud of your right investment decision to invest to such a brand company with effective operation like DTW. This investment not only brings dividends to you, but also help DTW bring practical benefits to the community. Penetrating this, Board of Director, Board of Executive and all the staff of DTW always strives to complete the plan that the General Meeting of Shareholders adopted annually, and actively develop the home fashion product line which friendly to the environment.

To be proud of as being a household wooden manufacturer with the big capital in the stock market, we always want to bring peace of mind and the highest satisfaction to investors. In recent years, the dividend payout ratio is not less than 30%, therefore stock price of DTW was constantly increasing, reaching VND 40,000 per share, higher than most of companies in the same industry.

Some economists said that: "2016 will be an excellent year for the VN economy". It is based on a survey of the positive factors of the economy, especially the investment wave in Vietnam catch a good chance brought by FTA. Vietnam will be busy to attracting FDI in 2016. According to the Global Report of Standard Chartered Bank, we could recognize that Vietnam's economic prospect will be better despite of global growth still remaining at a low rate of 2.9% in 2016.

Thus, It can be said that in 2016, Vietnam's economy will have brighter prospects, but also need to note the impact of other factors on the economy. ASEAN Economic Community will be founded at the end of the year and the free trade agreement will be implemented, which will create intense competition among businesses. This will have both chance and challenge. So, we need to be alert to grasp quickly the chances and respond promptly with challenges.

Dear our Shareholders!

Be aware of the challenges, difficulties, understand throughoutly the responsibilities to shareholders not only in the terms of the conservation of capital but also to increase the value for our shareholders, no matter big or small, the Board of Director continues to orient in 2016 and the following years and still follow the spiritual core of the 25 years development, focusing, stability and sustainability.

Finally, on behalf of DTW, I would like to express our sincere and deep thanks to the Shareholders, Customers, Partners and Friends in everywhere who have supported us so far. In particular, I would like to express our sincere thanks to the whole staff who have worked closely, united and co-operated with us in all developed phase of Duc Thanh Company.

I wish you and your family always have good health, happiness and success in life.

On behalf of the BOD.

LE HAI LIEU

GDT



MEMBERS AND REPORTS

- Board of Directors - Board of Directors Report
- Board of Executives - Board of Executives Report
- Board of Supervisors - Board of Supervisors Report



Mr. Le Hong Thang
Vice Chairman and CEO



Ms. Le Hai Lieu
Chairman



Mr. Le Hong Thanh
*Commissioner,
Deputy General Director*

BOARD OF DIRECTORS

Board of Directors from 2015 - 2019 term comprises of 5 members, in which 3 are executive directors and the 2 others are independent ones. The board of directors's members always offer suggestions to enhance the company efficiency activities, focus on strategic planning for long-term development to satisfy the shareholders.



Mr. Nguyen Cong Hieu
Independent Board Member



Mr. Tran Xuan Nam
Independent Board Member

BOARD OF DIRECTORS' REPORT

It has been 25 years since Duc Thanh Wood Processing JSC. was established, a time enough for us to affirm the success of such a brand name, a team and a company in the wood processing industry!. Duc Thanh Wood Company (DTW) always steadies in every area, in every situation. We supply customers with quality products, professional services, we also bring joy of growth in term of high and sustainable dividend to all shareholders.

Year 2015 has ended with the fluctuations in the global economic conditions, with many difficulties. The purchasing power had not been rehabilitated, the financial market had not prospered, the bad situation has affected to the economy and of course to business of DTW. However, DTW with the inherently miraculous effort continually exceeded targets that the Annual General Meeting of Shareholders (AGM) has been allocated, in both revenue and profit, position and value of DTW's shares have been continuously increased accordingly, this satisfies every shareholder.

On behalf of Board of Directors (BOD), one again I am very delighted to announce Shareholders that DTW had another successful year in every aspect.

SUMMATION OF YEAR 2015

1. Implementation of the tasks assigned by AGM

- Implementation of the business plan
 - The revenue of company in 2015 achieved VND 295,76 billion, up to 11,1% compared with 2014, exceeding 2% compared with the plan (VND 289 billion)
 - Profit before tax was VND 80,46 billion, up to 19,9% compared with 2014, exceeding 9% compared with the plan (VND 73,8 billion)
 - Profit after tax was VND 61,56 billion, up to 19.2% compared with 2014, exceeding 6,9% compared with the plan (VND 57.5 billion)
- Payment of 20% dividend in shares: fully raised chartered capital from VND 103,723,650,000 up VND 124,468,370,000.
- Issue shares ESOP to employees (4.6%): had completed capital increasing procedures, received the certificate of business registration, raised chartered capital from VND 124.468.370.000 up VND 129,654,550,000
- Payment of dividends: the company has dividend payment under Resolution AGM dated 25/04/2015 up to 30% of the par value of ordinary shares, namely:
 - Phase 1/2015: in advance 15% by cash on 27/08/2015
 - Phase 2/2015: in advance 15% by cash on 30/12/2015

2. Implementation of resolution taking AGM's opinion in writing.

- Modifying the Company's Charter: Duc Thanh Wood Joint Stock Company has completed the amendment of the Charter and submitted it to the State Security Commission of Vietnam, HOSE and VSD in accordance with the law.
- Assigning the land in My Phuoc II industrial Park, Binh Duong province.

The company has successfully proceeded the sale transaction of the land use rights in My Phuoc II industrial park, received deposit to sign contract on the transfer for approximately VND 68 billion.

The procedures are expected to be completed in early 2016 because of the time-consuming procedures.

3. Board of directors' activities

- Structure of BOD includes 1 chairman, 1 vice- chairman and 3 commissioners in which 2 are independent members with fully legal status. The BOD is elected for a five-year-term (2015-2019) to carry out the mission of supervising, consulting, assissting and managing DTW to complete the mission requested by the AGM.

- In 2015, BOD held 4 quarterly meetings and 6 extraordinary meetings to assist BOE direct opportunely and to discuss the methods, policies, etc. to strengthen executive operation as well as follow closely business operation of DTW. BOD also exchanged and discussed notes on common concerns between members to solve the matters arrising from official meetings. In these meetings, all members attended. As to the BOS, depending to details and contents of the meeting, BOD chose to invite the BOS to join together.

4. External auditor

- After checking everything, BOD selected Deloitte Vietnam Co., Ltd to audit for DTW in fiscal year of 2015. During the working time, DTW has adequately provided documents, met full standards of accounting duly. The auditing firm also worked very closely and responsibly.

5. Remuneration of BOD and BOS

- During the year of 2015, the company has paid remuneration for 5 members of BOD and 3 members of BOS.
 - Remuneration: 0,4% of the total revenue by 2015's plan is VND 1,170,000,000 followed the resolution of AGM.
 - In 2014 with many positive contributions to BOE to achieve outstanding results, AGM agreed to reward for BOD & BOS up to 5% of the profit before tax which exceed that of year 2014 compared to 2013, respectively VND 770,000,000.

6. Activity reviews of BOE and the managing board.

- Board of Executives has been implementing fully all the tasks comply to the resolution of AGM and BOD as well. Because General Director and Vice General Director are also members of BOD, the practical implementation always takes place quickly and smoothly.
- Through the strickly monitoring process, BOD appreciated BOE that they have carried out mission carefully, professionally and met the requirements of the company's activities, in particular:
 - Implementing seriously and effectively the decisions of BOD.
 - Being active, creative in administration. Providing the financial data and production & business results in detailed, helping BOD has the comprehensive review, easy to give out the strategic orientation in the meetings.
 - Timely informing, reporting and adjusting the process to suit the actual situation and meet requirements of BOD.

ORIENTATION IN 2016

In 2016, it's predicted that Vietnam's economy will continue to recover and start a new growth circle. However, DTW cannot stop facing difficulties and challenges such as: domestic markets with fierce competition, European countries with worse consuming price index, recovery signal yet to be strong, etc. With this condition, the BOD directs with the cautious spirit, focus to orient key tasks in 2016, details are:

1. Setting plans for revenue growth and profit growth over 10%
 - Total revenue reaches VND 334,215 billion, up 13% compared with 2015.
 - Profit before tax reaches 93,2 billion, up 16% compared to 2015.
 - Profit after tax reaches 74,6 billion, up 21% compared to 2015.
2. Flexibly adjusting the Company's business strategy in accordance with the actual situation.
3. Strengthening forecast, further improving financial management capacity, guaranteeing the Company's finance safely and efficiently. Directing strictly control of operating expenses of the Company.
4. Performing operational administrative functions in accordance with the scope of powers and duties of BOD which are defined in the charter of organization and operation of the Company and other regulations.
5. Further boosting the liquidity of the company shares.
6. Continuing to maintain and promote all aspects of activities of BOD, overcoming weaknesses, striving together with the BOE to bring the company continuously growing to meet the desire of Shareholders.

Finally, on behalf of BOD, I would like to express my sincerely thanks to shareholders, customers, partners, agencies, unions who have trusted, supported DTW to develop strongly, to overcome the difficulties during the past 25 years and the next years.

I would also like to deeply thank to over 1,000 workers of DTW, thank a lot for your effective contributions during the past years and hope that all of you will continue to contribute your good capabilities to take our DTW achieve better results in the future. In 2016, there are certain difficulties ahead, but we all will strive all the best to maintain a stable development, bring the sustainable value to DTW, the practical benefits for shareholders and hope that the position of DTW will continue to emerge stronger.

My respectfully submitting all of you wishes of health and success

On behalf of Board of Directors
Chairman



LE HAI LIEU

REVENUE (VND billion)



NET PROFIT (VND billion)



ROE (Return on equity)



ROA (Return on assets)



Items	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Revenue (VND billion)	175,0	219,7	231,3	237,4	266,3	295,7
Net profit (VND billion)	33,7	42,8	38,3	36,4	51,6	61,5
Return on equity (ROE)	25,96%	28,80%	24,09%	21,68%	27,29%	29,37%
Return on assets (ROA)	17,32%	21,44%	16,53%	13,96%	18,01%	20,60%

Despite facing difficulties and challenges during the year, DTW still managed to maintain business efficiency.

- Revenue increased 11.1% compared to 2014's result, overachieved 2% against the target.
- Net profit overachieved 6.9% against the target.

• GDT's core values are **Stability, Efficiency and Sustainability**.

Unit: 1,000 VND

Income statement	2010	2011	2012	2013	2014	Năm 2015
Net revenue	175,017,411	219,685,394	231,283,510	237,366,929	266,316,502	295,766,288
Gross profit	64,983,292	73,327,592	69,262,391	80,574,288	94,069,906	112,149,623
Operating income	38,712,660	47,215,896	45,929,782	50,780,565	66,604,275	81,053,049
Profit before tax	41,463,249	49,289,779	47,076,876	51,708,395	67,099,418	80,457,055
Corporate Income tax	7,804,185	6,528,330	8,774,013	15,344,628	15,468,654	18,892,302
Net profit	33,659,064	42,761,449	38,302,863	36,363,767	51,630,764	61,564,753
Profit margin	37.1%	33.4%	29.9%	33.9%	35.3%	37.9%

Balance sheet	2010	2011	2012	2013	2014	Năm 2015
Total assets	192,721,282	206,247,795	257,095,672	263,766,525	309,707,879	288,147,348
Chartered Capital	103,723,650	103,723,650	103,723,650	103,723,650	103,723,650	129,654,550
Average outstanding shares	10,372,365	10,372,365	10,372,365	10,372,365	12,446,873	12,502,251
Shareholders' capital	139,613,444	157,354,019	160,709,501	174,766,634	203,601,301	215,704,957

Other items	2010	2011	2012	2013	2014	Năm 2015
Asset structure						
Current assets/Total assets	51.67%	57.94%	66.67%	71.12%	74.47%	73.79%
Non-current assets/Total assets	48.33%	42.06%	33.33%	28.88%	25.53%	26.21%
Capital structure						
Liabilities/ Total capital	27.56%	23.71%	37.49%	33.74%	34.26%	25.14%
Shareholders' capital/ Total capital	72.44%	76.29%	62.51%	66.26%	65.74%	74.86%

Profitability ratio	2010	2011	2012	2013	2014	Năm 2015
Return of assets (ROA)	17.32%	21.44%	16.53%	13.96%	18.01%	20.60%
Return of equity (ROE)	25.96%	28.80%	24.09%	21.68%	27.29%	29.37%
Net profit/ Chartered capital	32.45%	41.23%	36.93%	35.06%	49.78%	47.48%
Net margin	19.23%	19.46%	16.56%	15.32%	19.39%	20.82%
Earning per share (EPS)	3,245	4,123	3,693	3,506	3,733	4,432



Mr. Le Hong Thanh
Commissioner,
Deputy General Director



Mr. Le Hong Thang
Vice Chairman and CEO



Ms. Nguyen Thi Thanh Huyen
Human Resource Director



Mr. Che Dong Khanh
Deputy Production Director



Ms. Bui Phuong Thao
Chief Accountant



Mr. Nguyen Van Duc
Deputy Technical Director

REVIEW OF BUSINESS & MANUFACTURE PERFORMANCE IN 2015

With 25 - year experience in the wood processing industry, Duc Thanh Wood Company (DTW) has become a prestige brand in Vietnam with a solid background of quality, a sustainable development in financial and human resources. DTW's story is a non-stop journey, step by step seeking good things for the customers, for staff & shareholders of the company and for the community as well. The success of the past journey is a motivation making efforts for DTW to develop stronger and stronger not only in Viet Nam but also on over the world.

Closing year 2015 of a lot difficulties such as consumers reduced spending, domestic industry limited, imported goods increased, the oversea competitors replaced local owners, state policies changed etc. this affected badly on the local revenue of DTW. The export markets was also not easy as exchange rate between the EUR, JPY, KRW (Korean Won) against US dollar has been going down more than the rate of VND against USD that creates competition on price over the markets, economic growth in many countries have been reduced, political conflicts have occurred in many places so global trade tends to slow down with more cautions.

Despite of the difficulties and challenges, DTW has successfully completed the mission, continue to increase turnover, to increase profit and to exceed the target. The profit growth rate is higher than the revenue growth one that brings more benefits to the shareholders and the company's staff.

YEAR 2015 REVIEW

1. Business performance in 2015

Until 31st December 2015, DTW has achieved the financial targets as the following:

Unit: Billion VND

No	Criteria	Actual 2014	Actual 2015	Increase/ Decrease compared with the same period	Plan 2015	Increase/ Decrease compared with the plan
	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)	(5)	(6)=(2)/(3)
1	Total Revenue	266,316	295,766	111,1%	289,897	102,0%
	- Export	207,298	252,751	121,9%	247,237	102,2%
	- Domestic	56,121	39,869	71,4%	42,000	94,9%
	- Factory lease other	2,897	3,146	108,6%	660	376,6%
2	Profit before taxes (*)	67,099	80,457	119,9%	73,833	109,0%
3	Profit after taxes	51,630	61,565	119,2%	57,590	106,9%

General assessment

Business situation.

Thanks to the strengthening in control, using raw materials properly, managing spending effectively, flexibly selecting markets, order of more profit... profit before taxes of 2015 is 80.4 billion, up 19.9% compared to 2014.

• **Export Revenue:** Export revenue reaches 252.7 billion VND accounting for 86% of the total revenue, increased 2,2% compared to the plan. This result was due to BOE and Export Department always analysed and followed closely the world economic situation, took good care of customers, and exploited new clients well. Besides, the company applied policy supporting to suppliers to stabilize price of raw material so that we can build reasonable selling prices then.

Products mainly exported to Korea, Japan, Thailand, Hong Kong, Germany, UK, Italy, US, France, the Netherlands, Australia..., which Asian countries account for 79.7%, the European account for 16.6% of total export revenue.

• **Domestic Revenue:** In 2015, the Domestic Revenue did not achieve its expectation because imported goods increased, designs and price are more competitive that made the purchasing volume decreased... Besides, project orders plummeted due to the change of state policy as well as strict government control on promotion programs for children under 2 years old... this significantly affected to the domestic revenue. To turn the situation, DTW actively strengthen and develop throughout the provinces, kitchenware products with brand DTW and Kid toy branded Winwintoy have been sold to 1,193 outlets nationwide, of which:

- HCM City and Southern provinces accounted for 77.4%.
- Hanoi and Northern provinces accounted for 10%.
- Da Nang and Central provinces accounted for 12.6%.

Financial Statements

Profitability

Some criterias reflect the profitability of GDT in 2015 compared to 2014

Criteria	2014	2015
Profitability		
Profit rate after taxes/ Net revenue	19,39%	20,82%
Profit rate after taxes/ Owners' capital	27,29%	29,37%
Profit rate after taxes / Total assets	18,19%	20,60%
Operation Capacity		
Net revenue / Total assets	85,99%	102,64%

Book value at 31st December 2015

Criteria	Unit	2014	2015
Owners' capital	VND	203.601.301.847	215.704.956.882
Tangible fixed assets	VND	27.606.489.574	35.889.240.572
Intangible assets	VND	12.221.347.183	12.190.850.767
Numbers of outstanding shares	SHARE	10.372.365	12.965.455
Book Value per share	VND	15.697	18.451
Closing price on Hose at 31 st Dec 2015	VND	34.800	37.700
Earning per share (EPS)	VND/SHARE	3.733	4.432
Price to Earning Ratio (PE)		9.3	8.5

Manufacture Operation

- Maintaining and deploying the improvement and solution to reduce costs in manufacturing operations through the strict control of input materials, technical norms and unit prices of raw materials, technical initiatives to enhance the quality, increase the productivity, product quality. BOE and the related departments timely capture and adjust the inadequates in all activities, deploying solutions related to product structure, quality and price to enhance the competitiveness.

- DTW always maintains and improves the quality management systems of ISO 9001:2008; inspects quality under AQL to meet all customer requirement about the quality and model.

Issuing shares to the current shareholders, ESOP share for employees and transaction with investors

- DTW has completed the issuance as below:

- Paid dividend of 20 % by shares to current shareholders.
- Issued ESOP shares nearly 4,6% for all staffs. This has brought a practical result and excitement for everyone of the company.

- Through the two issuance periods, the company has increased the charter capital from 103.723.650.000 to 129.654.550.000 VND.

- DTW focuses on developing relationship between DTW and shareholders, investors on the basis of providing company's information timely and in transparent manner; frequently communicating directly and indirectly with investors, analysts, investment foundations.

- DTW always announce information punctually and fully comply to the request of Ho Chi Minh City Stock Exchange, at the same time DTW upload the financial statements and other important information on the website www.goducthanh.com

Activities of organization and personnel.

- DTW defines that the human resource is the greatest asset of the company. Training course to upgrade employees' competence will contribute the development of the company. DTW continuously fortify, train qualified personnel into management and profession positions to fulfill assigned tasks.

- Bringing into play the creative movement, improvement in production process, working process in whole company via the Score program, giving preferential policies punctually to encourage the creativity and contributions of employees. This is the strength of DTW. In 2015, DTW grant 26.000.000 VND for the improvement operation.

- Carrying out remuneration treatments to improve the living standards for employees physically and mentally. Maintaining and developing technical and professional team to make motivation for everyone to try their best to complete the work and to contribute to the company long time.

- For many uninterrupted years, DTW has maintained the program named Le Ba Study Encouragement Fund which support employees' children, families in difficult circumstances, labor protection at factory, and social task also

- Up to now, DTW is proud because we have a team of loyalty, always unite and work together for mutual benefit. Until Dec 31st 2015, the total employees is 919 people of which:

- 769 is productive labors, 150 is white collar workers
- One employee with master's degree, 50 employees with university degrees, 30 employees with college degrees and 35 ones with professional intermediate degrees.

Social connection

Sharing the spiritual, financial achievement with social community is always concerned as a responsibility of DTW. Regular social activities have contributed meaning things for the community. DTW is honor to have supported to difficult people in Go Vap District for Tet holiday; to the Gratitude Board of management of Ho Chi Minh Communist Youth Union; the Funds for the difficulty and studious girls; Youth programs for Native Islands in 2015, etc.

PLAN FOR 2016

Base on the existing background, BOE will try all the best to undertake the following tasks:

The revenue growth plan for 2016

Unit: Billion VND

No	Criteria	Actual 2015	Plan 2016	Increase
1	Total revenue	295,766	334,215	113,0%
	- Export	252,751	277,760	109,8%
	- Domestic	39,869	53,000	132,9%
	- Factory lease, other (shavings, wasted material)	3,146	3,455	109,8%
2	Total Costs	215,309	240,957	111,9%
3	Profit before taxes	80, 457	93, 258	116,0%
4	- Profit after taxes	61,565	74,607	121,2%
5	Profit from transferring the land plot in My Phuoc 2, Binh Duong		20,000	100%

Strengthen marketing activities in domestic and overseas

- Developing more new products as well as investing machinery, new technology to make a difference for the existing product lines. Upgrading the design team, creating new products in accordance with the demand and interest of consumers.

- Taking good care of the traditional customers, participating more fairs in domestic and overseas.

- Developing, improving Marketing knowledge, strengthening PR "Duc Thanh Wood" and "Winwintoys" brands to customers.

- Strongly developing market share of main channels: Continuing to exploit project customers and new customers.

Improving the management system

- Enhance searching, training and appointment of lacking senior executive position.

- For staffs, attending on site training and short-term training courses to improve the skills, appropriate expertise to meet with the scale of administrators in information technology and modern.

Continue to implement improvements in order to increase business efficiency.

- Close monitoring of wood raw material markets, stocking at reasonable prices. Ensure DTW always have enough wood to implement domestic & exports orders, with suitable price.
- Increasing investment in modern machinery to increase productivity and production cost savings.
- Reducing production costs, ensure the financial condition of company are always healthy, using loans at a low level and the most effective.
- Applying and implementing the application of science and technology on the job, managing to increase productivity and enhance the accuracy, better information security.
- Proposal to continue to issue ESOP shares to the employees, this program is the cohesion between the company and the employees, encouraging employees to work more efficiently, helping the company grows steadily.

Above is the 2015 report of BOE, on behalf of the company, I would like to thank to the trust of shareholders and investors in DTW, and would like to send to DTW staff the profound recognition for their valuable contribution.

Ladies and gentlemen! 2016 is the year Duc Thanh Wood Company celebrate 25th anniversary of establishment and 15 years of equitization. Strongly experiencing critical phase with the development of the wood processing industry from the beginning as a wood processing facility, until the equitization to become a public company and listed on the stock market, DTW desire to keep our burning passion to conquer the peak, always forward with aspirations to greater success. Therefore, I believe that in 2016, DTW will continue to reap the most success to bring more benefits to shareholders and the community.

Sincere thanks and warmest regards!

On behalf of Board of Executives

General Director



LE HONG THANG



Mr. Tran Ngoc Hung
Head of Supervisory Board



Ms. Nguyen Thi Huong Huyen
Member

Dear Shareholders,

Implementing the mandates and powers of the Board of Supervisors (BOS) as stipulated in the Enterprise Law, the Company's Charter, and the regulations of DTW, BOS would like to report the financial situation, the management of the Board of Directors (BOD) and Board of Executives (BOE) in 2015 as follows:

I. ACTIVITIES OF SUPERVISORS IN 2015**1. Organizational structure of the BOS**

- On April 25th 2015, the AGM has assigned three members as Mr. Tran Ngoc Hung, Ms. Nguyen Thi Huong Huyen and Mr. Nguyen Vinh Quan to BOS for period 2015 - 2019.

- On May 20th 2015, BOS held a meeting to position as follows:

Mr. Tran Ngoc Hung	: Head of BOS
Ms. Nguyen Thi Huong Huyen	: BOS member
Mr. Nguyen Vinh Quan	: BOS member

- On Oct 30th 2015, Mr. Nguyen Vinh Quan resigned. BOS have operated with the two remaining members, however all the assignments given by the AGM had been fulfilled well.

2. Activities of Board of Supervisors

- Carrying out its evaluation and supervision functions about the company's periodical orientation and strategy as well as giving comments on the shortcomings so that the BOD and BOE could have effective and timely directions. It is thanks to reviews BOS got from all the meetings of BOD in year 2015.

- Regularly supervising and contributing ideas to the BOD the following subjects:

- Assess the implementation of the BOD'S resolutions which proposed by the AGM.
- Strictly check the results of production and business, the accounting datas of each stage to ensure the accuracy and legality of the data recording and all other aspects.
- Check the effectivity of orders, check overdue debts to recommend for debt recovery.
- Give comments in order that the BOD could select of the right audit firm. Check the reasonableness, legality, truthfulness and eriousness of careful management, business operations, in the organization of accountancy, statistics and financial statements of the company.
- Semiannual and annual participate the company's inventory; study fire safety systems throughout the company and monitor the implementation
- Implement of the plan to issue stock dividend of 20% from equity to existing shareholders
- Issue of shares for employees in ESOP (4.6%).
- Accompany with the company to complete the procedures for the capital increase, to get the adjusted certificate of business registration of raising chartered capital from 103,723,650,000 to 129,654,550,000 VND. The additional shares have been listed up at the Ho Chi Minh stocle Exchange.
- Monitor the transfer of the land in My Phuoc II legally. Procedures have lasted a little time due to some strict rules of the Industrial Park.

II. MONITORING RESULTS IN 2015**1. Evaluation of the financial statements**

- Financial Statements in 2015 was audited by accounting department, BOE, and Deloitte Vietnam Company Limited which reflected honestly the financial statement at the time of 31st Dec 2015, reflected the results of operations and cash flows in accordance with the provisions of the current accounting system.

- DTW did a good job of reporting quarterly and published information periodically for Committee of Stock, Department of the Stock Exchange in accordance with the provisions of the Financial Ministry of information publishing on the stock market.

- With many competitive advantages in terms of quality and product reputation of DTW, in addition to strict operation, good management lead revenue and profit after taxes in 2015 increased respectively 2% and 6.9% higher than the plan proposed by AGM

2. The qualifications, abilities and independence level of the audit firm.

- The BOD has chosen Vietnam Deloitte to audit DTW for year 2015. Deloitte Vietnam Company Limited is a professional international audit, they conducted audit transaction according to the standard and current accounting regime. According to the auditors, the financial statements of the DTW has reflected honestly and sensibly, reasonably based on the critical aspects of the financial situation of the company.

3. The results of the monitoring of BOS on the activities of the BOD and BOE

- The activities of BOD and BOE comply with the regulation as well as the current laws, ensure the interests of the company and its shareholders.

- BOD, BOE activitives's review:

- Performing good role of directing, supervising and supporting on the production and in business activities resulting a exceeding target which approved by the AGM.
- The Resolution of the Board of Directors was approved with a high consensus from the members of the BOD, BOE and implemented seriously & promptly.
- Positive initiative, flexibility in production and business execution, ensure a stability of job and income for workers.
- Co-ordinating with relevant departments to review the inventory, enhancing surveillance following the processing of data inventory, detecting timely and rectifying errors to avoid negative effects on the company operation.
- BoE and the Accounting department has been active in following up the conditions for exemption and reduction of corporate income tax in accordance with current regulations in order that the company could be able to benefit the highest preferential policies of the state.

- Last year, BOS did not detect anything unusual, no case of the BOD, BOE, managers violate laws, rules and regulations and other provisions of the company. BOS also did not receive any complaint regarding the rights of shareholders.

4. Assessment of the collaboration between BOS and BOD, BOE

- BOD, BOE have cooperated to create favorable conditions for BOS to perform the tasks such as providing information, assigning staff to work with BOS if required, giving comments during the AGM.

- Quarterly, BOS coordinated with related departments to control the company's operation and to report to BOD, BOE.
- Some warning matters in BOS report was gradually overcome and improved well by BOD and BOE.

5. Proposals of the BOS

BOS would like to raise some recommendations to the BOD as follows:

- Continuing the improvements in production, completing the shortage managing positions as well as stabilising human resource for all departments.
- Regular enhancing workers' skill to improve productivity.
- Considering to invest modern machinery to save costs, to enhance competitiveness in case of financial conditions is permitted.
- Continuing to promote relevant procedures for transferring the land in My Phuoc II to increase revenue and profits in the fiscal year 2016.

III. PLANS FOR 2016

In 2016, BOS will continue to execute the following responsibilities and rights:

- Supervising the implementation of the business plan in 2016 complied with the resolution allocated by the AGM of the fiscal year 2015.
- Supervising the promulgation and implementation of the Resolution of the BOD, BOE on the company's administration and the execution as well.
- Monitoring the compliance with the regulations on accounting and financial management, the accuracy, truthfulness and legality in the accounting document preparation, usage, transfer, storage. Checking the financial reporting 2016.
- Checking the observance of the laws of the BOD, BOE in business & production administration.
- Gradually improving BOS's process of activities based on the monitoring results and practical operation of the DTW.

Above is the 2015 report of BOS that we are respectfully presented to the AMG for approval. On this occasion, I'm on behalf of BOS would like to wish you all, the representatives, shareholders, investors for good health & success.

Sincerely yours,

On behalf of Board of Supervisors
Head of Board of Supervisors



TRAN NGOC HUNG



Cooperation for success!

• Shareholder structure on March 21st 2016

Name	ID	Address	Share	Ownership (%)
1 Ms Ha Thi Hue	020343493	216 Ly Tu Trong, Ward Ben Thanh, Dist 1, HCMC, VN	2,952,720	22.77%
2 Mutual Fund Elite	CA5604	C/O PYN Rahastoyhtio Oy, Tehtaankatu 29A, 00150, Helsinki, Finland.	1,242,000	9.58%
3 Mr Le Hong Thang	022768118	216 Ly Tu Trong, Ward Ben Thanh, Dist 1, HCMC, VN	983,000	7.58%
4 Mr Le Hong Thanh	022760219	1/11F BK1, Ward Binh Khanh, Dist 2, HCMC, VN	953,992	7.36%
TOTAL			6,131,712	47.29%

• Ownership rate of member's Directors, Supervisors and Executives on March 21st 2016

No	Name	ID	Position	Share ownership
				Number Shares Ownership
I Board of Directors and Executives				
1	Ms Le Hai Lieu	020 343 551	Chairwoman	207,114 1.60%
2	Mr Le Hong Thang	022 768 118	Vice chairperson - CEO	983,000 7.58%
3	Mr Le Hong Thanh	022 760 219	Board member - Vice GD	953,992 7.36%
4	Mr Nguyen Cong Hieu	020 343 136	Board member	11,000 0.08%
5	Mr Tran Xuan Nam	021 838 536	Board member	6,000 0.05%
6	Ms Nguyen Thi Thanh Huyen	024 183 985	Director of HR	20,358 0.16%
7	Mr Che Dong Khanh	211 936 399	Vice Producing Director	7,400 0.06%
8	Mr Nguyen Van Duc	020 170 371	Vice Technical Director	6,700 0.05%
9	Ms Bui Phuong Thao	025 152 836	Chief Accountant	8,200 0.06%
TOTAL				2,203,764 17.00%
II Supervisory board				
1	Mr Tran Ngoc Hung	025 879 041	Head of BoS	4,000 0.03%
2	Ms Nguyen Thi Huong Huyen	022 824 240	Member	10,240 0.05%
TOTAL				14,240 0.08%

• Share trading activities by inside shareholders in 2015

Internal shareholders	Number of shares before the transaction	Number of shares sell	Number Shares after the transaction	Ownship
Le Hai Lieu (Chairman)	507,114	300,000	207,114	1.60%

Shareholder structure on March 21st 2016

List	Local		Foreigner		Total	
	Number of Shares	Ownership (%)	Number of Shares	Ownership (%)	Shares	Ownership (%)
	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Inside Shareholders						
Board of directors and Executives	2,203,764	17.00%	-	-	2,203,764	17.00%
Supervisory board	14,240	0.11%	-	-	14,240	0.11%
Others insiders	954,248	7.36%	-	-	954,248	7.36%
Treasury shares	-	-	-	-	-	-
Total Inside Shareholders	3,172,252	24.47%	-	-	3,172,252	24.47%
Outside shareholders						
Individuals	6,406,047	49.41%	763,036	5.89%	7,169,083	55.29%
Institutions	165,404	1.28%	2,458,716	18.96%	2,624,120	20.24%
Total Outside Shareholders	6,571,451	50.68%	3,221,752	24.85%	9,793,203	75.53%
Total	9,743,703	75.15%	3,221,752	24.85%	12,965,455	100.00%



STATEMENT OF THE BOARD OF DIRECTORS

The Board of Directors of Duc Thanh Wood Processing Joint Stock Company (the "Company") presents this report together with the Company's financial statements for the year ended 31 December 2015.

THE BOARDS OF MANAGEMENT AND DIRECTORS

The members of the Boards of Management and Directors of the Company who held office during the year and to the date of this report are as follows:

Board of Management

Ms. Le Hai Lieu	Chairman
Mr. Le Hong Thang	Vice Chairman
Mr. Le Hong Thanh	Member
Mr. Tran Xuan Nam	Member
Mr. Nguyen Cong Hieu	Member

Board of Directors

Mr. Le Hong Thang	General Director
Mr. Le Hong Thanh	Deputy General Director
Ms. Nguyen Thi Thanh Huyen	Human Resource and Administration Manager

BOARD OF DIRECTORS' STATEMENT OF RESPONSIBILITY

The Board of Directors of the Company is responsible for preparing the financial statements, which give a true and fair view of the financial position of the Company and of its results and cash flows for the year in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting. In preparing these financial statements, the Board of Directors is required to:

- select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- state whether applicable accounting principles have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the financial statements;
- prepare the financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business; and
- design and implement an effective internal control system for the purpose of properly preparing and presenting the financial statements so as to minimize errors and frauds.

The Board of Directors is responsible for ensuring that proper accounting records are kept, which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Company and that the financial statements comply with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting. The Board of Directors is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of frauds and other irregularities.

The Board of Directors confirms that the Company has complied with the above requirements in preparing these financial statements.

For and on behalf of the Board of Directors,



Le Hong Thang
General Director
30 March 2016

No: 442/VN1A-HC-BC

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: **The Shareholders, Boards of Management and Directors**
Duc Thanh Wood Processing Joint Stock Company

We have audited the accompanying financial statements of Duc Thanh Wood Processing Joint Stock Company (the "Company"), prepared on 30 March 2016, as set out from page 4 to page 30, which comprise the balance sheet as at 31 December 2015, and the statement of income and statement of cash flows for the year then ended, and a summary of significant accounting policies and other explanatory information.

Board of Directors' Responsibility for the Financial Statements

The Board of Directors is responsible for the preparation and fair presentation of these financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting and for such internal control as the Board of Directors determines is necessary to enable the preparation of financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditors consider internal control relevant to the Company's preparation and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of Directors, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Opinion

In our opinion, the financial statements give a true and fair view of, the financial position of the Company as at 31 December 2015, and its financial performance and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting.



Vo Thai Hoa
Audit Partner
Audit Practising Registration Certificate
No. 0138-2013-001-1
For and on behalf of
Deloitte Vietnam Company Limited
30 March 2016
Ho Chi Minh City, S.R. Vietnam



Pham Van Tan
Auditor
Audit Practising Registration Certificate
No. 0401-2013-001-1

BALANCE SHEET

As at 31 December 2015

FORM B 01-DN

Unit: VND

ASSETS	Codes	Notes	31/12/2015	31/12/2014
A. CURRENT ASSETS	100		212,634,538,346	230,638,862,930
I. Cash and cash equivalents	110	5	4,246,976,830	2,917,656,003
1. Cash	111		4,246,976,830	517,656,003
2. Cash equivalents	112		-	2,400,000,000
II. Short-term financial investments	120	6	120,500,000,000	134,100,000,000
1. Held-to-maturity investments	123		120,500,000,000	134,100,000,000
III. Short-term receivables	130		21,361,772,536	22,637,616,681
1. Short-term trade receivables	131	7	12,596,899,351	15,003,939,877
2. Short-term advances to suppliers	132		4,549,363,738	5,132,039,177
3. Other short-term receivables	136		4,215,509,447	2,501,637,627
IV. Inventories	140	8	60,160,813,221	65,747,988,721
1. Inventories	141		60,224,628,080	67,985,997,721
2. Provision for devaluation of inventories	149		(63,814,859)	(2,238,009,000)
V. Other short-term assets	150		6,364,975,759	5,235,601,525
1. Short-term prepayments	151	12	412,023,363	339,929,399
2. Value added tax deductibles	152	15	5,952,952,396	4,895,672,126
B. NON-CURRENT ASSETS	200		75,512,809,981	79,069,016,953
I. Long-term receivables	210		350,256,459	322,757,884
1. Other long-term receivables	216		350,256,459	322,757,884
II. Fixed assets	220		48,080,091,339	39,827,836,757
1. Tangible fixed assets	221	9	35,889,240,572	27,606,489,574
- Cost	222		82,640,110,496	70,817,269,022
- Accumulated depreciation	223		(46,750,869,924)	(43,210,779,448)
2. Intangible assets	227	10	12,190,850,767	12,221,347,183
- Cost	228		15,246,264,013	15,019,114,013
- Accumulated amortization	229		(3,055,413,246)	(2,797,766,830)
III. Long-term assets in progress	240		2,072,314,311	12,771,132,036
1. Long-term construction in progress	242	11	2,072,314,311	12,771,132,036
IV. Other long-term assets	260		25,010,147,872	26,147,290,276
1. Long-term prepayments	261	12	24,478,085,663	25,554,480,884
2. Deferred tax assets	262	13	532,062,209	592,809,392
TOTAL ASSETS (270=100+200)	270		288,147,348,327	309,707,879,883

BALANCE SHEET (Continued)

As at 31 December 2015

FORM B 01-DN

Unit: VND

RESOURCES	Codes	Notes	31/12/2015	31/12/2014
C. LIABILITIES	300		72,442,391,445	106,106,578,036
I. Current liabilities	310		69,202,774,362	103,020,808,036
1. Short-term trade payables	311	16	8,813,790,025	8,437,256,164
2. Short-term advances from customers	312	17	16,399,693,857	5,015,414,257
3. Taxes and amounts payable to the State budget	313	15	4,834,805,334	4,498,401,215
4. Payables to employees	314		5,182,707,077	4,894,668,877
5. Short-term accrued expenses	315	18	14,344,612,130	19,902,634,618
6. Other current payables	319		612,975,819	411,689,458
7. Short-term loans and obligations under finance leases	320	14	8,098,779,780	53,273,735,370
8. Bonus and welfare funds	322		10,915,410,340	6,587,008,077
II. Long-term liabilities	330		3,239,617,083	3,085,770,000
1. Other long-term payables	337		3,239,617,083	3,085,770,000
D. EQUITY	400		215,704,956,882	203,601,301,847
I. Owner's equity	410	19	215,704,956,882	203,601,301,847
1. Share capital	411		129,654,550,000	103,723,650,000
2. Share premium	412		2,856,593,370	2,856,593,370
3. Investment and development fund	418		18,669,340,514	18,669,340,514
4. Retained earnings	421		64,524,472,998	78,351,717,963
- Retained earnings accumulated to the prior year end	421a		47,234,632,963	49,654,364,792
- Retained earnings of the current year	421b		17,289,840,035	28,697,353,171
TOTAL RESOURCES (440=300+400)	440		288,147,348,327	309,707,879,883

Tran Nguyen Viet Trung
Preparer

Bui Phuong Thao
Chief AccountantLe Hong Thang
General Director
30 March 2016

INCOME STATEMENT

For the year ended 31 December 2015

FORM B 02-DN
Unit: VND

ITEMS	Codes	Notes	2015	2014
1. Gross revenue from goods sold and service rendered	01		297,020,217,258	267,387,395,377
2. Deductions	02		1,253,929,289	1,070,893,162
3. Net revenue from goods sold and services rendered(10=01-02)	10	21	295,766,287,969	266,316,502,215
4. Cost of good sold and service rendered	11		183,616,665,174	172,246,595,661
5. Gross profit from goods sold and services rendered (20=10-11)	20		112,149,622,795	94,069,906,554
6. Financial income	21	24	7,944,379,636	7,499,097,817
7. Financial expenses	22	25	2,438,607,111	1,900,227,907
<i>In which: Interest expense</i>	23		510,247,860	889,581,412
8. Selling expenses	25	26	15,715,145,767	15,278,551,032
9. General and administration expenses	26	26	20,887,200,294	17,785,949,975
10. Operating profit (30=20+(21-22)-(24+25))	30		81,053,049,259	66,604,275,457
11. Other income	31		640,163,026	727,943,796
12. Other expenses	32		1,236,157,119	232,800,427
13. (Loss)/profit from other activities	40		(595,994,093)	495,143,369
14. Accounting profit before tax (50=30+40)	50		80,457,055,166	67,099,418,826
15. Current corporate income tax expense	51	27	18,831,554,611	15,533,571,038
16. Deferred corporate tax (expense)/income	52	27	60,747,183	(64,917,026)
17. Net profit after corporate income tax (60=50-51-52)	60		61,564,753,372	51,630,764,814
18. Basic earnings per share	70	28	4,432	3,733

Tran Nguyen Viet Trung
Preparer

Bui Phuong Thao
Chief AccountantLe Hong Thang
General Director
30 March 2016

CASH FLOW STATEMENT

For the year ended 31 December 2015

FORM B 03-DN
Unit: VND

ITEMS	Codes	2015	2014
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
1. Profit before tax	01	80,457,055,166	67,099,418,826
2. Adjustments for:			
Depreciation and amortisation of fixed assets	02	5,110,234,338	4,448,953,973
Provisions	03	(2,174,194,141)	(243,293,501)
Foreign exchange loss arising from translating foreign currency items	04	31,813,921	164,830,897
Gain from investing activities	05	(6,983,831,586)	(6,912,929,949)
Interest expenses	06	510,247,860	889,581,412
3. Operating profit before movements in working capital	08	76,951,325,558	65,446,561,658
Change in receivables	09	(38,103,756)	1,277,806,007
Change in inventories	10	7,761,369,641	(1,128,681,334)
Change in payables	11	6,335,072,803	2,108,213,282
Change in prepaid expenses	12	1,004,301,257	1,317,470,763
Interest paid	14	(510,247,860)	(889,581,412)
Corporate income tax paid	15	(20,041,528,622)	(20,758,498,467)
Other cash outflows	17	-	(1,052,420,150)
Net cash generated by operating activities	20	71,462,189,021	46,320,870,347
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
1. Acquisition of fixed assets and other long-term assets	21	(4,199,194,113)	(8,667,055,531)
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets	22	1,708,181,819	188,363,851
3. Cash outflow for bank deposit	23	-	(43,100,000,000)
4. Cash recovered from bank deposits	24	13,600,000,000	
5. Interest received	27	7,098,084,046	6,473,543,728
Net cash generated by/(used in) investing activities	30	18,207,071,752	(45,105,147,952)
III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
1. Proceeds from share issue	31	5,186,180,000	-
2. Proceeds from borrowings	33	99,753,701,847	128,383,741,363
3. Repayment of borrowings	34	(145,171,516,231)	(112,626,175,560)
4. Dividends paid	36	(48,445,821,600)	(17,622,264,600)
Net cash used in financing activities	40	(88,677,455,984)	(1,864,698,797)
Net increase/(decrease) in cash during the year (50=20+30+40)	50	991,804,789	(648,976,402)
Cash and cash equivalents at the beginning of the year	60	2,917,656,003	3,499,241,715
Effect of changes in foreign exchange rates	61	337,516,038	67,390,690
Cash and cash equivalents at the end of the year (70=50+60+61)	70	4,246,976,830	2,917,656,003

Tran Nguyen Viet Trung
Preparer

Bui Phuong Thao
Chief AccountantLe Hong Thang
General Director
30 March 2016

1. GENERAL INFORMATION

Structure of ownership

Duc Thanh Wood Processing Joint Stock Company (the "Company") was incorporated in Vietnam under Business Registration Certificate No. 0301449014 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on 13 January 2012, as amended. This Business Registration Certificate has amended the Business Registration Certificate No. 4103000126 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on 8 August 2000, as amended.

The number of employees as at 31 December 2015 was 919 (as at 31 December 2014: 948).

Principal activities

The principal activities of the Company are to produce household wooden products, broom sticks, flag sticks, plywood, and wooden toys.

Normal production and business cycle

The Company's normal production and business cycle is carried out for a time period of 12 months.

Disclosure of information comparability in the financial

As stated in Note 3, since 1 January 2015, the Company has adopted Circular No. 200/2014/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on 22 December 2014 ("Circular 200") guiding the accounting regime for enterprises. This Circular is effective for the financial year beginning on or after 1 January 2015. Circular 200 supersedes the regulations for accounting regime promulgated under Decision No. 15/2006/QĐ-BTC dated 20 March 2006 issued by the Ministry of Finance and Circular No. 244/2009/TT-BTC dated 31 December 2009 issued by the Ministry of Finance. Therefore, some classifications have been made to the prior year's figures to enhance their comparability with the current year's presentation when the Company has adopted Circular 200 in the preparation and presentation of the financial statements for the year ended 31 December 2015.

2. ACCOUNTING CONVENTION AND FINANCIAL YEAR

Accounting convention

The accompanying financial statements, expressed in Vietnam Dong ("VND"), are prepared under the historical cost convention and in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting.

The accompanying financial statements are not intended to present the financial position, results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.

Financial year

The Company's financial year begins on 1 January and ends on 31 December.

3. ADOPTION OF NEW ACCOUNTING GUIDANCE

On 22 December 2014, the Ministry of Finance issued Circular No. 200/2014/TT-BTC ("Circular 200") guiding the accounting regime for enterprises. This Circular is effective for financial years beginning on or after 01 January 2015. Circular 200 supersedes the regulations for accounting regime promulgated under Decision No. 15/2006/QĐ-BTC dated 20 March 2006 issued by the Ministry of Finance and Circular No. 244/2009/TT-BTC dated 31 December 2009 issued by the Ministry of Finance.

The Board of Directors has adopted Circular 200 in the preparation and presentation of the financial statements for the year ended 31 December 2015.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

The significant accounting policies, which have been adopted by the Company in the preparation of these financial statements, are as follows:

Estimates

The preparation of financial statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to financial reporting requires the Board of Directors to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets, liabilities and disclosures of contingent assets and liabilities at the date of the financial statements and the reported amounts of revenues and expenses during the financial year. Although these accounting estimates are based on the Board of Director's best knowledge, actual results may differ from those estimates.

Financial instruments

Initial recognition

Financial assets: At the date of initial recognition, financial assets are recognized at cost plus transaction costs that are directly attributable to the acquisition of the financial assets. Financial assets of the Company comprise cash and cash equivalents, short-term financial investments, trade and other receivables.

Financial liabilities: At the date of initial recognition financial liabilities are recognized at cost plus transaction costs that are directly attributable to the issue of the financial liabilities. Financial liabilities of the Company comprise borrowings, trade and other payables and accrued expenses.

Subsequent measurement after initial recognition

Currently, there are no requirements for the subsequent measurement of the financial instruments after initial recognition.

Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, demand deposits and short-term, highly liquid investments that are readily convertible to known amounts of cash and which are subject to an insignificant risk of changes in value.

Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments comprise investments that the Company has the positive intent or ability to hold to maturity, including term deposits.

Interest income from term deposits is recognized in the income statement on accrual basis.

Receivables

Receivables represent the amounts recoverable from customers or other debtors and are stated at book value less provision for doubtful debts.

Provision for doubtful debts is made for receivables that are overdue for six months or more, or when the debtor is in dissolution, in bankruptcy, or is experiencing similar difficulties and so may be unable to repay the debt.

Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realisable value. Cost comprises direct materials and where applicable, direct labour costs and those overheads that have been incurred in bringing the inventories to their present location and condition. Cost is calculated using the weighted average method. Net realisable value represents the estimated selling price less all estimated costs to completion and costs to be incurred in marketing, selling and distribution.

The evaluation of necessary provision for inventory obsolescence follows current prevailing accounting regulations which allow provisions to be made for obsolete, damaged, or sub-standard inventories and for those which have costs higher than net realisable values as at the balance sheet date.

Tangible fixed assets and depreciation

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation. The costs of purchased tangible fixed assets comprise their purchase prices and any directly attributable costs of bringing the assets to their working condition and location for their intended use. Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives as follows:

	Years
Buildings and structures	10 - 25
Machinery and equipment	4 - 12
Motor vehicles	3 - 9
Office equipment	6 - 10

Leasing

Leases where substantially all the rewards and risks of ownership of assets remain with the leasing company are accounted for as operating leases. Rentals payable under operating leases are charged to the income statement on a straight-line basis over the term of the relevant lease. Benefits received and receivable as an incentive to enter into an operating lease are also spread on a straight-line basis over the lease term.

Intangible assets and amortization

Intangible assets represent land use rights and computer software which are stated at cost less accumulated amortization.

Definite-term land use rights are amortized on a straight-line basis over the duration of the right to use the land. Indefinite-term land use rights are not amortized. Computer software is amortized on a straight-line basis over 3 years.

Construction in progress

Properties in the course of construction for production, rental or administrative purposes, or for other purposes, are carried at cost. Depreciation of these assets, on the same basis as other assets, commences when the assets are ready for their intended use.

Long-term prepayments

Long-term prepayments comprise land clearance costs and prepaid land rental for land lots located in My Phuoc 2 Industrial Park and My Phuoc 3 Industrial Park, Binh Duong Province and other types of long-term prepayments.

Prepaid land rental and related land clearance costs are charged to the income statement using the straight-line method over the lease term. Other types of long-term prepayments comprise cost of small tools, supplies and repair expenses which are expected to provide future economic benefits to the Company for more than one year. These expenditures have been capitalized as long-term prepayments and are allocated to the income statement using the straight-line method over the period from two to four years.

Revenue recognition

Revenue from the sale of goods is recognised when all five (5) following conditions are satisfied:

- (a) the Company has transferred to the buyer the significant risks and rewards of ownership of the goods;
- (b) the Company retains neither continuing managerial involvement to the degree usually associated with ownership nor effective control over the goods sold;
- (c) the amount of revenue can be measured reliably;
- (d) it is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company; and
- (e) the costs incurred or to be incurred in respect of the transaction can be measured reliably.

Severance allowance payable

The severance allowance for employees is accrued at the end of each reporting period for all employees having worked at the Company for full 12 months and above. Working time serving as the basis for calculating severance allowance shall be the total actual working time subtracting the time when the employees have made unemployment insurance contributions as prescribed by law, and the working time when severance allowance has been paid to the employees. The allowance made for each year of service equals to a half of an average monthly salary under the Vietnamese Labour Code, Social Insurance Code and relevant guiding documents. The average monthly salary used for calculation of severance allowance shall be adjusted to be the average of the 6 consecutive months nearest to the date of the financial statements at the end of each reporting period. The increase or decrease in the accrued amount shall be recorded in the income statement.

Foreign currencies

The Company applies the method of recording foreign exchange differences in accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 10 (VAS 10) "Effects of changes in foreign exchange rates" and Circular 200/2014/TT-BTC (Circular 200). Accordingly, transactions arising in foreign currencies are translated at exchange rates ruling at the transaction date. The balances of monetary items denominated in foreign currencies as at the balance sheet date are retranslated at the exchange rates on the same date. Exchange differences arising from the transactions of these accounts are recognised in the income statement. Unrealized exchange gains as at the balance sheet date are not treated as part of distributable profit to shareholders.

Borrowing costs

Borrowing costs are recognized in the income statement when incurred.

Provisions

Provisions are recognized when the Company has a present obligation as a result of a past event, and it is probable that the Company will be required to settle that obligation. Provisions are measured at the Board of Directors' best estimate of the expenditure required to settle the obligation at the balance sheet date.

Taxation

Income tax expense represents the sum of the tax currently payable and deferred tax.

The tax currently payable is based on taxable profit for the year. Taxable profit differs from net profit as reported in the income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other years (including loss carried forward, if any) and it further excludes items that are never taxable or deductible.

Deferred tax is recognised on significant differences between carrying amounts of assets and liabilities in the financial statements and the corresponding tax bases used in the computation of taxable profit and is accounted for using balance sheet liability method.

Deferred tax liabilities are generally recognised for all temporary differences and deferred tax assets are recognised to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences can be utilised.

Deferred tax is calculated at the tax rates that are expected to apply in the period when the liability is settled or the asset realised. Deferred tax is charged or credited to profit or loss, except when it relates to items charged or credited directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in equity.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same tax authority and the Company intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

The determination of the tax currently payable is based on the current interpretation of tax regulations. However, these regulations are subject to periodic variation and their ultimate determination depends on the results of the tax authorities' examinations.

Other taxes are paid in accordance with the prevailing tax laws in Vietnam.

5. CASH AND CASH EQUIVALENTS

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Cash on hand	119,911,954	27,684,307
Demand deposit	4,127,064,876	489,971,696
Cash equivalents	-	2,400,000,000
	4,246,976,830	2,917,656,003

6. SHORT-TERM FINANCIAL INVESTMENTS

Short-term financial investments represent time deposits in VND in commercial banks with original maturity from more than three months to one year, earning interests at the rate from 4.5% to 7.1% per annum (as at 31 December 2014: 5.3% to 8.0% per annum).

7. SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Metro Cash & Carry Vietnam Co., Ltd.	1,381,592,064	752,255,569
Dong Yang International Co., Ltd.	1,433,126,304	2,383,805,432
Other trade receivables	9,782,180,983	11,867,878,876
	12,596,899,351	15,003,939,877

8. INVENTORIES

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
	Cost	Provision	Cost	Provision
Raw materials	42,995,343,520	(63,814,859)	45,025,272,771	(2,238,009,000)
Tools and supplies	630,333,327	-	1,624,870,522	-
Work-in-progress	8,439,332,327	-	9,771,777,769	-
Finished goods	8,153,815,545	-	10,268,355,101	-
Goods on consignment	5,803,361	-	1,295,721,558	-
	60,224,628,080	(63,814,859)	67,985,997,721	(2,238,009,000)

During the year, an amount of VND 2,109,030,944 was reversed as a provision for devaluation of inventories (2014: VND 57,228,948 was provided for devaluation of inventories).

9. INCREASE, DECREASE IN TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings and structures	Machinery and equipment	Motor vehicles	Office equipment	Total
	VND	VND	VND	VND	VND
COST					
As at 01/01/2015	33,138,494,316	31,325,031,561	5,136,608,178	1,217,134,967	70,817,269,022
Additions	3,376,894,823	165,860,000	1,075,499,790	-	4,618,254,613
Transfer from construction in progress	8,667,883,725	-	1,206,047,082	-	9,873,930,807
Disposals	-	(579,639,400)	(2,089,704,546)	-	(2,669,343,946)
As at 31/12/2015	45,183,272,864	30,911,252,161	5,328,450,504	1,217,134,967	82,640,110,496
ACCUMULATED DEPRECIATION					
As at 01/01/2015	14,921,702,531	24,976,556,769	2,121,994,860	1,190,525,288	43,210,779,448
Charge for the year	2,239,645,935	1,927,634,985	666,211,390	19,095,612	4,852,587,922
Disposals	-	(509,277,146)	(803,220,300)	-	(1,312,497,446)
As at 31/12/2015	17,161,348,466	26,394,914,608	1,984,985,950	1,209,620,900	46,750,869,924
NET BOOK VALUE					
As at 31/12/2015	28,021,924,398	4,516,337,553	3,343,464,554	7,514,067	35,889,240,572
As at 31/12/2014	18,216,791,785	6,348,474,792	3,014,613,318	26,609,679	27,606,489,574

The cost of the Company's tangible fixed assets included VND 18,299,796,722 (as at 31 December 2014: VND 14,838,080,615) of assets which have been fully depreciated but are still in use.

As noted further in Note 14, the Company pledged its buildings with a carrying value of approximately VND 12,003,119,368 as at 31 December 2015 (as at 31 December 2014: VND 12,776,383,792) to secure banking facilities granted to the Company.

10. INCREASE, DECREASE IN INTANGIBLE ASSETS

	Land use rights	Software	Total
	VND	VND	VND
COST			
As at 01/01/2015	14,917,549,433	101,564,580	15,019,114,013
Additions	227,150,000	-	227,150,000
As at 31/12/2015	15,144,699,433	101,564,580	15,246,264,013
AMORTIZATION			
As at 01/01/2015	2,696,202,250	101,564,580	2,797,766,830
Charge for the year	257,646,416	-	257,646,416
As at 31/12/2015	2,953,848,666	101,564,580	3,055,413,246
NET BOOK VALUE			
As at 31/12/2015	12,190,850,767	-	12,190,850,767
As at 31/12/2014	12,221,347,183	-	12,221,347,183

The carrying amount of land use rights as at 31 December 2015 was as follows:

- Indefinite-term land use rights at 21/6D Phan Huy Ich Street, Ward 14, Go Vap District, Ho Chi Minh City with the carrying amount of VND 2,100,813,399 (as at 31 December 2014: VND 2,100,813,399), which are not amortized in accordance with prevailing regulations.

- Definite-term land use rights in Parcels of 835, Map No. 7, Tan Hiep Ward, Tan Uyen District, Binh Duong Province with the carrying amount of VND 5,836,065,566 (as at 31 December 2014: VND 5,999,999,988), which are amortized over 45 years in accordance with land use right certificate issued by Binh Duong Province People's Committee on 13 October 2005. As noted further in Note 14, the Company has pledged these land use rights to secure banking facilities granted to the Company.

- Definite-term land use rights in Parcels of 1130, Map No. 7, Tan Hiep Ward, Tan Uyen District, Binh Duong Province with the carrying amount of VND 4,033,937,635 (as at 31 December 2014: VND 4,120,533,791), which are amortized over 50 years in accordance with land use right certificate issued by Binh Duong Province People's Committee on 21 April 2012.

- Definite-term land use rights for the entrance to the Company's factory at Tan Hiep Ward, Tan Uyen District, Binh Duong Province with the carrying amount of VND 220,034,167 (as at 31 December 2014: VND 0), which are amortized over 47.5 years in accordance with land use right certificate issued by Binh Duong Province People's Committee.

The cost of intangible assets includes VND 101,564,580 (as at 31 December 2014: VND 101,564,580) of assets which have been fully depreciated but are still in use.

11. CONSTRUCTION IN PROGRESS

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Construction costs for factory at My Phuoc 2 Industrial Park, Binh Duong Province	2,072,314,311	4,970,395,296
Purchase of machinery	-	538,119,000
Construction costs for factory at Tan Uyen District, Binh Duong Province	-	7,262,617,740
	2,072,314,311	12,771,132,036

12. LONG-TERM PREPAYMENTS

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
a) Short-term		
Tools and supplies issued for consumption	412,023,363	339,929,399
	412,023,363	339,929,399
b) Long-term		
Land clearance costs and prepaid land rental in My Phuoc 2 Industrial Park	23,226,011,939	23,654,146,598
Prepaid land rental at My Phuoc 3 Industrial Park	1,158,062,350	1,186,633,225
Others	94,011,374	713,701,061
	24,478,085,663	25,554,480,884

As at 31 December 2015, the Company signed a contract to transfer land use right of land lot located in My Phuoc 2 Industrial Park, Binh Duong Province to Phu Duc Steel JSC with the price of VND 68,015,000,000. This transfer is expected to be finished in 2016. Up to 31 December 2015, the Company received an advance amount of VND 13,000,000,000 from Phu Duc Steel JSC as stated in Note 17.

13. DEFERRED TAX ASSETS

The followings are the major deferred tax liabilities and assets recognized by the Company, and the movements thereon, during the current and prior years.

	Severance allowances VND	Foreign exchange differences VND	Accruals VND	Total VND
As at 1/1/2014	554,031,500	(30,979,134)	4,840,000	527,892,366
Credit/(charge) for the year	78,288,100	(8,531,074)	(4,840,000)	64,917,026
As at 31/12/2014	632,319,600	(39,510,208)	-	592,809,392
Credit for the year	(28,354,183)	(27,993,000)	(4,400,000)	(60,747,183)
As at 31/12/2015	603,965,417	(67,503,208)	(4,400,000)	532,062,209

14. SHORT-TERM LOAN AND OBLIGATIONS UNDER FINANCE LEASES

	31/12/2014 VND	During the year VND	31/12/2015 VND
	Amount	Increase	Amount
Kien Long Commercial Joint Stock Bank ("Kienlongbank")	-	36,267,094,837	3,959,935,157
Vietnam Maritime Commercial Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch ("Marinebank")	-	12,009,840,023	4,138,844,623
Commonwealth Bank of Australia - Ho Chi Minh City Branch ("Commonwealth Bank")	32,103,331,420	39,696,977,078	-
Joint Stock Bank for Foreign Trade of Vietnam - Ho Chi Minh City Branch ("Vietcombank")	21,170,403,950	12,022,648,703	-
	53,273,735,370	99,996,560,641	8,098,779,780

Short-term borrowings from Kienlongbank represent loans in USD with the credit limit of USD 2,000,000 under loan agreement No. 0691/15/HBTD/1500-3972 dated 13 May 2015. The loans are secured by the deposits at Kienlongbank. The loans bear the interest rates of 1.7% per annum and interest is paid on monthly basis. These loans will be repaid within 6 months for each drawdown.

Short-term borrowings from Maritime Bank represent loans in VND with the credit limit of VND 20,000,000 under loan agreement No. 249/2015/HBTDHM dated 05 November 2015. The loans are secured by the deposits at Maritime Bank. The loans bear the interest rates of 1.5% per annum and interest is paid on monthly basis. These loans will be repaid within 6 months for each drawdown.

Short-term borrowings from Commonwealth Bank represent loans in USD with the credit limit of USD 2,000,000 under the loan agreement No. 600812039/LC-CBAVN dated 13 February 2012. The loans are secured by land use rights and assets associated with land in Tan Uyen District, Binh Duong Province (see further in Note 9 and 10). The loans bear the interest rates of 1.7% per annum and interest is paid on monthly basis. These loans are repayable within 180 days for each drawdown.

Short-term borrowings from Vietcombank represent loans in VND with the credit limit of VND 50,000,000 under loan agreement No. 0221/KH/14NH dated 04 October 2014. The loans are secured by the deposits at Vietcombank. The loans bear the interest rates of 1.7% per annum and interest is paid on monthly basis. These loans will be repaid within 6 months for each drawdown.

15. TAXES AND AMOUNTS PAYABLE TO STATE BUDGET

	01/01/2015 VND	Receivable/payable during the year (VND)	Received/paid during the year (VND)	31/12/2015 VND
a. Receivables				
Value added tax	4,895,672,126	24,418,358,136	23,361,077,866	5,952,952,396
	4,895,672,126	24,418,358,136	23,361,077,866	5,952,952,396
b. Payables				
Value added tax	273,414,716	4,853,380,165	4,830,444,837	296,350,044
Corporate income tax	4,101,461,823	20,252,055,417	20,041,528,622	4,311,988,618
Personal income tax	123,524,676	2,409,591,780	2,306,649,784	226,466,672
	4,498,401,215	27,515,027,362	27,178,623,243	4,834,805,334

16. SHORT-TERM TRADE PAYABLES

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND	VND	VND	VND
	Amount	Amount able to be paid off	Amount	Amount able to be paid off
Le Van Co., Ltd.	1,444,724,214	1,444,724,214	537,641,589	537,641,589
Hoang Cam Tu Co., Ltd.	989,083,865	989,083,865	693,615,120	693,615,120
Becamex IDC	965,044,646	965,044,646	-	-
Other suppliers	5,414,937,300	5,414,937,300	7,205,999,455	7,205,999,455
	8,813,790,025	8,813,790,025	8,437,256,164	8,437,256,164

17. SHORT-TERM ADVANCE FROM CUSTOMERS

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Phu Duc Steel JSC	13,000,000,000	-
Other advance from customers	3,399,693,857	5,015,414,257
	16,399,693,857	5,015,414,257

Advance from Phu Duc Steel JSC related to the contract to transfer land use right of land lot located in My Phuoc 2 Industrial Park, Binh Duong Province with total contract value of VND 68,015,000,000 as stated in Note 12.

18. SHORT-TERM ACCRUED EXPENSES

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Accrual bonus for employees	12,416,782,103	12,131,820,000
Land rental fees	53,494,447	6,074,417,473
Other accrued expenses	1,874,335,580	1,696,397,145
	14,344,612,130	19,902,634,618

19. SHAREHOLDERS' EQUITY

Movement of shareholders' equity

	Share capital VND	Share premium VND	Investment and development fund VND	Retained earnings VND	Total VND
As at 01/01/2014	103,723,650,000	2,856,593,370	18,669,340,514	49,517,050,130	174,766,634,014
Profit for the year	-	-	-	51,630,764,814	51,630,764,814
Dividends declared	-	-	-	(17,633,020,500)	(17,633,020,500)
Transferred to bonus and welfare fund	-	-	-	(5,163,076,481)	(5,163,076,481)
As at 31/12/2014	103,723,650,000	2,856,593,370	18,669,340,514	78,351,717,963	203,601,301,847
Capital increase	25,930,900,000	-	-	-	25,930,900,000
Profit for the period	-	-	-	61,564,753,372	61,564,753,372
Dividends declared	-	-	-	(69,235,523,000)	(69,235,523,000)
Transferred to bonus and welfare fund	-	-	-	(6,156,475,337)	(6,156,475,337)
As at 31/12/2015	129,654,550,000	2,856,593,370	18,669,340,514	64,524,472,998	215,704,956,882

According to the Resolution of Shareholders' Meeting dated 26 April 2014, the Board of Management approved a dividend payment from 25% to 30% of par value out of 2014 profit. Accordingly, in 2014, based on Resolution of Board of Management dated 2 October 2014, the Company declared dividends of 10% of par value of shares with an amount of VND 10,372,365,000 and actually paid with an amount of VND 10,366,038,000. Based on Resolution of Board of Management dated 30 December 2014, the Company declared the second dividend payment for the year 2014 of 10% of par value of shares out of 2014 profit, with an amount of VND 10,372,365,000 and payment would be made in January 2015. Accordingly, the Company actually paid these dividends with an amount of VND 10,365,705,000 in 2015.

According to the Resolution of Shareholders' Meeting dated 18 July 2015, the Board of Management approved a dividend payment of 15% of par value of shares out of the profit of the year 2015 with an amount of VND 18,670,255,500. Accordingly, the Company declared a dividend payment of VND 18,670,255,500 and actually paid amount of VND 18,658,182,500 in 2015.

According to the Resolution of Shareholders' Meeting dated 31 October 2015, the Board of Management has approved a dividend payment of 15% of par value of shares out of the profit of the year 2015 with an amount of VND 19,448,182,500. Accordingly, the Company declared a dividend payment of VND 19,448,182,500 and actually paid amount of VND 19,436,194,500 in 2015.

According to the Resolution of Shareholders' Meeting No. 07-15/NQ-DT dated 25 April 2015, the Company paid dividends for the third times for the year 2014 by stock with the rate of 100:20, equivalents to an amount of VND 20,744,720,000 (20,744,720 shares). The listing was approved by Securities Certificate No. 95/2009/GCNC-P-VSD-1 issued by Vietnam Securities Depository - Ho Chi Minh City Branch on dated 14 July 2015.

In addition, according to this resolution, the Company's shareholders approved to issue 518,618 stocks for employees of the Company, equivalent to an amount of VND 5,186,180,000. Vietnam Securities Depository - Ho Chi Minh City Branch confirmed that the Company finished issuing the stocks for employees on 23 November 2015. As at 31 December 2015, the issuance of these stocks was completed.

In addition, the Company has appropriated bonus and welfare fund at 10% of profit after tax in accordance with the Resolution of the Board of Management dated 25 April 2015.

Shares	31/12/2015	31/12/2014
Shares authorized to be issued	12,965,455	10,372,365
Shares issued and fully contributed	12,965,455	10,372,365
<i>Ordinary shares</i>	12,965,455	10,372,365
Outstanding shares	12,965,455	10,372,365
<i>Ordinary shares</i>	12,965,455	10,372,365
Par value (VND)	10,000	10,000

The Company has one class of ordinary shares which carries no right to fixed income. The shareholders of ordinary shares are entitled to receive dividends as declared from time to time and are entitled to one vote per share at the Company's shareholders' meetings. All shares rank equally with regard to the Company's net assets.

20. OFF BALANCE SHEET ITEMS

Foreign currency	Unit	31/12/2015	31/12/2014
United States Dollar	USD	6,423	3,949

21. NET REVENUE FROM GOOD SOLD AND SERVICE RENDERED

	2015 VND	2014 VND
Revenue from sales of goods	293,873,924,038	264,490,085,832
Revenue from rendering services	660,000,000	660,000,000
Revenue from others	2,486,293,220	2,237,309,545
	<u>297,020,217,258</u>	<u>267,387,395,377</u>
Deduction - Sales rebates	(1,253,929,289)	(1,070,893,162)
	<u>295,766,287,969</u>	<u>266,316,502,215</u>

22. BUSINESS AND GEOGRAPHICAL SEGMENTS

A segment is a component determined separately by the Company which is engaged in providing products or related services (business segment), or providing products or services in a particular economic environment (geographical segment), which is subject to risks and returns that are predominantly different from those of other segments. As the Company's revenue and profit are derived mainly from production and sales of household wooden products and wooden toys with no predominant effect on the risks and rates of returns of these products, the Board of Directors accordingly believes that the Company operates in a sole business segment of production and sales of wooden products. Furthermore, although the Company has generated revenue from domestic sales and export sales, no geographical segment is necessary to be disclosed since there is no predominantly different in risks and rates of returns of these two sales activities.

23. OPERATION COST BY NATURE

	2015 VND	2014 VND
Raw materials and consumables	97,068,897,440	100,735,835,065
Labour	90,091,484,318	83,894,820,391
Depreciation and amortization	5,110,234,338	4,448,953,973
Out-sourced services	21,321,641,894	21,874,270,222
Other expenses	4,084,051,521	2,079,223,094
	<u>217,676,309,511</u>	<u>213,033,102,745</u>

24. FINANCIAL INCOME

	2015 VND	2014 VND
Bank interest income	6,961,843,267	6,960,493,641
Foreign exchange gain	942,331,218	452,928,190
Payment discount	40,205,151	85,675,986
	<u>7,944,379,636</u>	<u>7,499,097,817</u>

25. FINANCIAL EXPENSES

	2015 VND	2014 VND
Interest expenses	510,247,860	889,581,412
Foreign exchange losses	1,928,359,251	1,010,646,495
	<u>2,438,607,111</u>	<u>1,900,227,907</u>

26. SELLING EXPENSES AND GENERAL AND ADMINISTRATION EXPENSES

	2015 VND	2014 VND
General and administration expenses		
- Employees expense	13,824,288,683	12,164,548,755
- Others	7,062,911,611	5,621,401,220
	<u>20,887,200,294</u>	<u>17,785,949,975</u>
Selling expenses		
- Employees expense	5,296,868,911	4,982,435,691
- Goods shipment expense	2,703,211,520	2,407,602,461
- Commision	1,514,093,206	1,518,737,133
- Others	6,200,972,130	6,369,775,747
	<u>15,715,145,767</u>	<u>15,278,551,032</u>

27. CURRENT CORPORATE INCOME TAX EXPENSE

	2015 VND	2014 VND
Current corporate income tax expenses		
- Corporate income tax based on taxable income in the current year	18,363,238,500	15,619,673,172
- Adjustments for corporate income tax expenses in previous years to the current year	468,316,111	(86,102,134)
Total corporate income tax expenses	18,831,554,611	15,533,571,038

The current corporate income tax expense for the year was computed as follows:

	2015 VND	2014 VND
Profit before tax	80,457,055,166	67,099,418,826
Adjustments for taxable income		
Less: non-assessable income	(337,516,038)	(179,591,855)
Add back: non-deductible expenses	3,712,908,598	4,332,323,811
Taxable income	83,832,447,726	71,252,150,782
Tax rate	22%	22%
Corporate income tax	18,443,138,500	15,675,473,172
Less: payment for female employees	(79,900,000)	(55,800,000)
Adjustments for corporate income tax of previous year	468,316,111	(86,102,134)
Corporate income tax based on taxable income in the current year	18,831,554,611	15,533,571,038

	2015 VND	2014 VND
Deferred tax expenses/(income)		
- Taxable/(tax deductible) temporary differences	60,747,183	(64,917,026)
Total deferred tax expense/(income)	60,747,183	(64,917,026)

The Company is obliged to pay corporate income tax at the rate of 22% (2014: 22%) of its taxable income under the prevailing tax regulations.

The tax authorities has not yet performed any tax audit on the Company's corporate income tax records from 2012. The Board of Directors acknowledged that tax amounts reported in the financial statements for the year ended 31 December 2015 are not finalized and subject to the examination by the tax authorities. As the application of tax laws and regulations is susceptible to varying interpretations, the amounts being reported in the financial statements for the year ended 31 December 2015 are subject to changes upon final determination by the tax authorities.

28. BASIC EARNINGS PER SHARE

The calculation of the basic earnings per share attributable to the ordinary equity holders of the Company is based on the data as below and the certain reclassification has been made to the prior year's figures in accordance with the guidance of Circular 200 to enhance their comparability with the current year's presentation:

	2015 VND	2014 VND
Earnings for the purposes of calculating basic earnings per share	61,564,753,372	51,630,764,814
Bonus and welfare fund appropriation	6,156,475,337	5,163,076,481
Profit for the year attributable to ordinary equity holders	55,408,278,035	46,467,688,333
Weighted average number of ordinary shares in issue during the year	12,502,251	12,446,837
Basic earnings per share	4,432	3,733

Adjustment to the weighted average number of ordinary shares

In 2015, the Company issued 2,074,472 new shares, increasing share capital from retained earnings. This led to a retrospective adjustment to the weighted average number of ordinary shares of the year ended 31 December 2014 as follows:

	Weighted average number of ordinary shares
As reported in the financial statements for the year ended 31 December 2014	10,372,365
Change of increasing shares from retained earnings of previous years	2,074,472
Adjusted amount	12,446,837

29. OPERATING LEASE COMMITMENT

	2015 VND	2014 VND
Minimum lease payments under operating leases recognized in the income statement for the year	2,917,614,118	1,162,109,000

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Within one year	1,025,183,156	1,964,415,366
In the second to fifth year inclusive	241,915,782	5,526,076,832
After five years	1,694,216,859	33,972,012,263
	2,961,315,797	41,462,504,461

Operating lease payments represent:

- Total rentals payable for renting 4,877 m2 of land in My Phuoc 3 Industrial Zone, Binh Duong Province at the annual rental charge of USD 0.2/m2 and monthly estate management charge of USD 0.02/m2, commencing from the issuance date of the Business Registration Certificate. The land rental charge is fixed for the period of 5 years and paid twice a year. Rental cost of the land and estate management charge are subject to adjustment for increase every 5 years but do not exceed 15% and 20%, respectively, in comparison to the previous five-year period. The land lease has been effective from 15 December 2006 to 30 June 2056.

- Total rentals payable for renting house at 172 Nguyen Van Troi Street, Ward 8, Phu Nhuan District at monthly rental charge of VND 50,000,000 from 7 July 2012 to 30 June 2014 and increased to VND 60,000,000 per month from 1 July 2014. This lease has been effective from 7 July 2012 to 30 June 2016.

- Total rentals payable for renting house in Phu My Hung, District 7, at monthly rental charge of VND 40,800,000. This lease has been effective from 1 January 2015 to 31 December 2016.

30. CAPITAL COMMITMENT

As at 31 December 2015, the Company entered into a contract to purchase machinery and equipment for manufacturing purpose with an amount of VND 1,423,764,290 (as at 31 December 2014: VND 2,577,341,644).

31. FINANCIAL INSTRUMENTS

Capital risk management

The Company manages its capital to ensure that the Company will be able to continue as a going concern while maximising the return to shareholders through the optimization of the debt and equity balance.

The capital structure of the Company consists of net debt (borrowings as disclosed in Note 14, offset by cash and cash equivalents) and equity attributable to shareholders (comprising share capital, share premium, investment and development fund and retained earnings).

Gearing ratio

The gearing ratio of the Company as at the balance sheet date was as follows:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Borrowings	8,098,779,780	53,273,735,370
Less: Cash and cash equivalents	4,246,976,830	2,917,656,003
Net debt	3,851,802,950	50,356,079,367
Equity	215,704,956,882	203,601,301,847
Net debt to equity ratio	0.02	0.25

Significant accounting policies

Details of the significant accounting policies and methods adopted (including the criteria for recognition, the bases of measurement, and the bases for recognition of income and expenses) for each class of financial asset, financial liability are disclosed in Note 4.

Categories of financial instruments

	Carrying amount	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Financial assets		
Cash and cash equivalents	4,246,976,830	2,917,656,003
Short-term financial investments	120,500,000,000	134,100,000,000
Trade and other receivables	14,822,733,105	17,211,346,340
	139,569,709,935	154,229,002,343
Financial liabilities		
Borrowings	8,098,779,780	53,273,735,370
Trade and other payables	9,033,580,025	8,648,846,164
Accruals	14,344,612,130	19,902,634,618
	31,476,971,935	81,825,216,152

The Company has not assessed fair value of its financial assets and liabilities as at the balance sheet date since there are no comprehensive guidance under Circular No. 210/2009/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on 06 November 2009 ("Circular 210") and other relevant prevailing regulations to determine fair value of these financial assets and liabilities. While Circular 210 refers to the application of International Financial Reporting Standards ("IFRS") on presentation and disclosures of financial instruments, it did not adopt the equivalent guidance for the recognition and measurement of financial instruments, including application of fair value, in accordance with IFRS.

Financial risk management objectives

The Company has set up risk management system to identify and assess the risks exposed by the Company and designed control policies and procedures to manage those risks at an acceptable level. Risk management system is reviewed on a regular basis to reflect changes in market conditions and the Company's operations.

Financial risks include market risk (including foreign currency risk and interest rate risk), credit risk and liquidity risk.

Market risk

The Company's activities expose it primarily to the financial risks of changes in foreign currency exchange rates and interest rates. The Company does not hedge these risk exposures due to the lack of any market for the trading activities of financial instruments.

Foreign currency risk management

The Company undertakes certain transactions denominated in foreign currencies; consequently, exposures to exchange rate fluctuations arise. The carrying amounts of the Company's foreign currency denominated monetary assets and monetary liabilities at the end of the reporting year are as follows:

	Assets		Liabilities	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
United States Dollar ("USD")	12,053,736,734	12,793,694,062	8,098,779,780	53,273,735,370

Foreign currency sensitivity analysis

The Company is mainly exposed to USD. 2% is the sensitivity rate used when reporting foreign currency risk internally to the Board of Directors and represents the Board of Directors' assessment of the reasonably possible change in foreign exchange rates. The sensitivity analysis includes only outstanding foreign currency denominated monetary items and adjusts their translation at the period end for a 2% change in foreign currency rates. For a 2% increase/decrease in USD against VND, the profit before tax in the year would increase/decrease by VND 79,099,139 (2014: decrease/increase by VND 809,600,826).

Interest rate risk management

The Company has significant interest rate risks arising from interest bearing loans which are arranged. The risk is managed by the Company by maintaining an appropriate level of borrowings and analysing market competition to enjoy favourable interest rates from appropriate lenders.

Interest rate sensitivity

Assuming all other variables were held constant and the loan balance at the balance sheet date were the outstanding amount for the whole year, if interest rates had been increased/decreased by 20 basis points, the Company's profit before tax for the year ended 31 December 2015 would have decreased/increased by VND 16,197,560 (2014: VND 106,547,471).

Credit risk

Credit risk refers to the risk that counterparty will default on its contractual obligations resulting in financial loss to the Company. The Company has a credit policy in place and the exposure to credit risk is monitored on an ongoing basis. The Company does not have any significant credit risk exposure to any counterparty because receivables consist of a large number of customers, spread across diverse industries and geographical areas.

Liquidity risk management

The purpose of liquidity risk management is to ensure the availability of funds to meet present and future financial obligations. Liquidity is also managed by ensuring that the excess of maturing liabilities over maturing assets in any year is kept to manageable levels relative to the amount of funds that the Company believes can generate within that year. The Company policy is to regularly monitor current and expected liquidity requirements to ensure that the Company maintains sufficient reserves of cash, borrowings and adequate committed funding from its shareholders to meet its liquidity requirements in the short and longer term.

The following table details the Company's remaining contractual maturity for its non-derivative financial assets and financial liabilities with agreed repayment years. The tables have been drawn up based on the undiscounted cash flows of financial assets and undiscounted cash flows of financial liabilities based on the earliest date on which the Company can be required to pay. The inclusion of information on non-derivative financial assets is necessary in order to understand the Company's liquidity risk management as the liquidity is managed on a net asset and liability basis.

31/12/2015	Less than 1 year VND	From 1- 5 years VND	Total VND
Cash and cash equivalents	4,246,976,830	-	4,246,976,830
Short-term financial investments	120,500,000,000	-	120,500,000,000
Trade and other receivables	14,472,476,646	350,256,459	14,822,733,105
	139,219,453,476	350,256,459	139,569,709,935
Borrowings	8,098,779,780	-	8,098,779,780
Trade and other payables	8,813,790,025	219,790,000	9,033,580,025
Accruals	14,344,612,130	-	14,344,612,130
	31,257,181,935	219,790,000	31,476,971,935
Net liquidity gap	107,962,271,541	130,466,459	108,092,738,000
31/12/2014	Less than 1 year VND	From 1- 5 years VND	Total VND
Cash and cash equivalents	2,917,656,003	-	2,917,656,003
Short-term financial investments	134,100,000,000	-	134,100,000,000
Trade and other receivables	16,941,346,340	270,000,000	17,211,346,340
	153,959,002,343	270,000,000	154,229,002,343
Borrowings	53,273,735,370	-	53,273,735,370
Trade and other payables	8,648,846,164	-	8,648,846,164
Accruals	19,902,634,618	-	19,902,634,618
	81,825,216,152	-	81,825,216,152
Net liquidity gap	72,133,786,191	270,000,000	72,403,786,191

The Board of Directors assessed the liquidity risk at low level. The Board of Directors believes that the Company will be able to generate sufficient funds to meet its financial obligations as and when they fall due.

32. RELATED PARTY TRANSACTIONS AND BALANCES

Remuneration paid to the Company's Boards of Management and Directors during the year was as follows:

	2015 VND	2014 VND
Remuneration and bonus for Board of Directors and Board of Management	2,981,508,000	2,214,932,000

The balance with the Company's Board of Directors as at the balance sheet date were as follows:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Advance for purchasing land use rights in Phu An commune - Mr. Le Hong Thang- General Director	3,500,000,000	3,500,000,000

33. SUPPLEMENTAL DISCLOSURES OF CASH FLOW INFORMATION

Supplemental non-cash disclosures:

Cash outflows for purchases of fixed assets and construction in progress during the year exclude an amount of VND 150,670,582 (2014: Nil), representing an addition in fixed assets and construction in progress during the year that has not yet been paid. Consequently, changes in accounts payable have been adjusted by the same amount.

Cash outflows for dividends payment during the year exclude an amount of VND 20,744,720,000 (2014: Nil), representing dividends by stock during the year. Consequently, dividends payment has been adjusted by the same amount.

34. COMPARATIVE FIGURES

As stated in Note 3, since 1 January 2015, the Company has adopted Circular No. 200/2014/TT-BTC issued by the Ministry of Finance on 22 December 2014 ("Circular 200") guiding the accounting regime for enterprises. Accordingly, certain figures of the balance sheet as at 31 December 2014 and of the income statement for the year then ended have been made to the prior year's figures to enhance their comparability with the current year's presentation as below:

Balance Sheet

Under Decision No. 15/2006/QĐ-BTC			Under Circular No. 200/2014/TT-BTC			Change	
Items	Codes	31/12/2014	Items	Codes	31/12/2014		
I. Assets			I. Assets				
1 Short-term investments	121	134,100,000,000	1 Held-to-maturity investments	123	134,100,000,000	Reclassified	
2 Trade accounts receivable	131	15,003,939,877	2 Short-term trade receivables	131	15,003,939,877	Renamed	
3 Advances to suppliers	132	5,132,039,177	3 Short-term advances to suppliers	132	5,132,039,177	Renamed	
4 Other receivables	135	2,007,551,445	4 Other short-term receivables	136	2,501,637,627	Reclassified and renamed	
5 Other short-term assets	158	494,086,182	5 Other short-term assets	155	-	Reclassified	
6 Other long-term receivables	218	52,757,884	6 Other long-term receivables	216	322,757,884	Reclassified and renamed	
7 Other long-term assets	268	270,000,000	7 Other long-term assets	268	-	Reclassified	
II. Resources			II. Resources				
1 Trade accounts payable	312	8,437,256,164	1 Short-term trade payables	311	8,437,256,164	Renamed	
2 Advances from customers	313	5,015,414,257	2 Short-term advances from customers	312	5,015,414,257	Renamed	
3 Accrued expenses	316	19,902,634,618	3 Short-term accrued expenses	315	19,902,634,618	Renamed	
4 Other current payables	319	411,689,458	4 Other current payables	319	411,689,458	Renamed	
5 Short-term loans and liabilities	311	53,273,735,370	5 Short-term loans and obligations	320	53,273,735,370	Renamed	
6 Investment and development funds	417	9,688,104,867	6 under finance leases	418	18,669,340,514	Reclassified	
7 Financial reserve fund	418	8,981,235,647	6 Investment and development fund			Reclassified	

Income Statement

Under Decision No. 15/2006/QĐ-BTC			Under Circular No. 200/2014/TT-BTC			Change	
Items	Codes	2014	Items	Codes	2014		
1 Gross revenue from goods sold and services rendered	01	265,150,085,832	1 Gross revenue from goods sold and services rendered	01	267,387,395,377	Reclassified	
2 Other income	31	3,609,982,146	2 Other income	31	727,943,796	Reclassified	

35. APPROVAL OF ISSUANCE OF FINANCIAL STATEMENTS

The Company's financial statements for the year ended 31 December 2015 were approved for issuance by the Board of Management on 30 March 2016.

Tran Nguyen Viet Trung
Preparer

Bui Phuong Thao
Chief Accountant



Le Hong Thang
General Director
30 March 2016



Cùng
Nhau
Hợp
Tác

Phát
Triển
Thành
Công